

HỆ THỐNG CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM MÔN THUẾ NHÀ NƯỚC.

Câu 1. Chức năng khởi thủy của thuế là:

- a) Kiểm chế lạm phát
- b) Huy động nguồn thu cho ngân sách nhà nước - **Đáp án**
- c) Điều tiết thu nhập, góp phần đảm bảo công bằng xã hội
- d) Điều tiết nền kinh tế

Câu 2. Căn cứ vào phương thức đánh thuế, thuế được phân loại thành:

- a) Thuế thực và thuế cá nhân
- b) Thuế tiêu dùng và thuế thu nhập
- c) Thuế tiêu dùng, thuế thu nhập và thuế tài sản
- d) Thuế trực thu và thuế gián thu - **Đáp án**

Câu 3. Yếu tố nào sau đây được coi là “linh hồn” của một sắc thuế

- a) Cơ sở thuế
- b) Đối tượng chịu thuế
- c) Đối tượng nộp thuế
- d) Thuế suất - **Đáp án**

Câu 4. Thuế có thể góp phần điều tiết vĩ mô nền kinh tế vì:

- a) Thuế có tính bắt buộc
- b) Thuế có tính không hoàn trả trực tiếp
- c) Thuế có phạm vi điều tiết rộng- **Đáp án**
- d) Thuế điều tiết vào thu nhập của các chủ thể kinh tế

Câu 5: Hiện tượng thuế chồng lên thuế là hiện tượng:

- a) Đánh nhiều loại thuế lên cùng một đối tượng
- b) Đánh thuế trùng lặp trên cùng một đối tượng chịu thuế - **Đáp án**
- c) Nhiều đối tượng cùng chịu một loại thuế
- d) Đối tượng phải chịu một mức thuế quá cao

Câu 6: Ba chức năng cơ bản của thuế là:

- a) Đảm bảo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước; Thực hiện phân phối lại thu nhập; Điều tiết vĩ mô nền kinh tế - **Đáp án**
- b) Đảm bảo thu ngân sách Nhà nước; Điều tiết nền kinh tế; Bảo hộ một số ngành trong nước
- c) Nuôi sống bộ máy Nhà nước; Cân bằng thu nhập; Điều tiết vĩ mô nền kinh tế
- d) Nuôi sống bộ máy Nhà nước, Thực hiện phân phối lại thu nhập; Thực hiện chức năng ngoại thương

Câu 7: Thuế gián thu là thuế mà doanh nghiệp nộp thay cho ai:

- a) Cho sản phẩm hàng hóa tiêu thụ của bản thân doanh nghiệp
- b) Cho đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu
- c) Cho người nhận gia công
- d) Cho người tiêu dùng - **Đáp án**

Câu 8: Đối tượng chịu thuế xuất nhập khẩu theo luật thuế xuất nhập khẩu của Việt Nam là:

- a) Hàng hóa xuất, nhập khẩu qua cửa khẩu hoặc biên giới Việt Nam
- b) Hàng hóa được phép xuất nhập khẩu qua biên giới Việt Nam
- c) Hàng hóa xuất, nhập khẩu qua biên giới Việt Nam
- d) Hàng hóa được phép xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu hoặc biên giới Việt Nam - **Đáp án**

Câu 9: Công ty A ủy thác cho công ty B để nhập khẩu một lô hàng từ nhà sản xuất C ở Thụy Điển. Đối tượng nộp thuế nhập khẩu ở trường hợp này là:

- a) Công ty A
- b) Công ty B - **Đáp án**
- c) Nhà sản xuất C
- d) Công ty A và công ty B cùng chịu

Câu 10: Hàng tạm nhập tái xuất là :

- a) Hàng hóa, dịch vụ của Việt Nam tạm gửi ở kho ngoại quan để chuẩn bị xuất khẩu
- b) Hàng hóa, dịch vụ từ nước ngoài đưa vào Việt Nam rồi sau đó lại đưa ra khỏi Việt Nam mà không làm thủ tục xuất nhập khẩu
- c) Hàng hóa, dịch vụ từ nước ngoài đưa vào Việt Nam rồi sau đó đưa ra khỏi Việt Nam và có làm thủ tục xuất nhập khẩu - **Đáp án**
- d) Hàng hóa, dịch vụ làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam rồi sau đó làm thủ tục xuất khẩu để bán sang một nước khác

Câu 11: Hàng tạm xuất tái nhập là :

- a) Hàng hóa, dịch vụ của nước ngoài tạm xuất sang Việt Nam sau đó tái nhập trở lại nước ngoài, có làm thủ tục xuất nhập khẩu
- b) Hàng hóa, dịch vụ của nước ngoài tạm xuất sang Việt Nam sau đó tái nhập trở lại nước ngoài nhưng không làm thủ tục xuất nhập khẩu
- c) Hàng hóa, dịch vụ của Việt Nam đưa ra nước ngoài sau đó đưa trở về Việt Nam, có làm thủ tục xuất nhập khẩu - **Đáp án**
- d) Hàng hóa, dịch vụ của Việt Nam đưa ra nước ngoài sau đó đưa trở về Việt Nam nhưng không làm thủ tục xuất nhập khẩu

Câu 12: Hàng chuyển khẩu là :

- a) Hàng của nước ngoài vận chuyển ngang qua cửa khẩu Việt Nam nhưng không làm thủ tục nhập khẩu
- b) Hàng của Việt Nam mua của một nước để bán lại cho một nước khác mà không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam
- c) Hàng của nước ngoài vận chuyển vào Việt Nam sau đó làm thủ tục chuyển cửa khẩu để tiếp tục vận chuyển hàng sang nước khác - **Đáp án**
- d) Hàng của Việt Nam vận chuyển qua cửa khẩu của nước ngoài nhưng không làm thủ tục nhập khẩu

Câu 13: Luật thuế giá trị gia tăng được ban hành vào năm nào

- a) 1995
- b) 1996
- c) 1997 - **Đáp án**
- d) 1998

Câu 14: Luật thuế giá trị gia tăng được ban hành để thay thế cho luật thuế nào trước đây:

- a) Luật thuế lợi tức (**Thuế thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp**)
- b) Luật thuế doanh thu - **Đáp án** (**Thuế GTGT**)
- c) Luật thuế thu nhập
- d) Luật thuế hàng hóa (**Thuế tiêu thu đặc biệt**)

Câu 15: Thuế Giá trị gia tăng được nghĩ ra đầu tiên ở nước nào trên thế giới:

- a) Đức
- b) Pháp - **Đáp án**

- c) Anh
- d) Mỹ

Câu 16: Thuế giá trị gia tăng được áp dụng đầu tiên ở nước nào trên thế giới:

- a) Anh - **Đáp án (1799)**
- b) Đức
- c) Pháp
- d) Mỹ

Câu 17: Nước đầu tiên ở Châu Á áp dụng luật thuế giá trị gia tăng là:

- a) Triều Tiên
- b) Hàn Quốc - **Đáp án**
- c) Việt Nam
- d) Trung Quốc

Câu 18: Hiện nay thuế giá trị gia tăng có bao nhiêu mức thuế suất:

- a) 2
- b) 3 - **Đáp án**
- c) 4
- d) 5

Câu 19: Các mức thuế suất của thuế giá trị gia tăng là:

- a) 5%, 10%, 15%
- b) 0%, 5%, 10%, 15%
- c) 0%, 5%, 10% - **Đáp án**
- d) 0%, 10%, 15%

Câu 20: Đặc điểm nào dưới đây không phải của thuế GTGT:

- a. Gián thu
- b. Đánh nhiều giai đoạn
- c. Trùng lặp - **Đáp án**
- d. Có tính trung lập cao

Câu 21 Đối tượng chịu thuế GTGT là:

- a. HHDV sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam
- b. HHDV mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.
- c. HHDV dùng cho SXKD và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả HHDV mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT. - **Đáp án**
- d. Tất cả các đáp án trên.

Câu 22: Hàng hoá, dịch vụ nào sau đây thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT:

- a. Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài, kể cả uỷ thác xuất khẩu. (Không chịu thuế xuất nhập khẩu)
- b. Hàng hoá gia công chuyển tiếp
- c. Hàng hoá xuất khẩu tại chỗ
- d. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến theo quy định của C.Phủ. - **Đáp án**

Câu 23: Hàng hoá, dịch vụ nào sau đây thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT:

- a. Nạo vét kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp. - **Đáp án**
- b. Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt.
- c. Phân bón

d. Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác.

Câu 24 : Đối với hàng hoá, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, giá tính thuế GTGT là:

- a. Giá bán chưa có thuế GTGT
- b. Giá bán đã có thuế GTGT
- c. Giá tính thuế của HHDV cùng loại
- d. Giá tính thuế của HHDV cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh hoạt động trao đổi,

tiêu dùng nội bộ. - **Đáp án**

Câu 25: Đối với hàng hoá luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất kinh doanh, giá tính thuế GTGT là:

- a. Không phải tính và nộp thuế GTGT - **Đáp án**
- b. Giá bán chưa có thuế GTGT
- c. Giá bán đã có thuế GTGT
- d. Giá tính thuế của HHDV cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.

Câu 26: Hàng hoá luân chuyển nội bộ là hàng hoá:

- a. Do cơ sở kinh doanh xuất bán
- b. Do CSKD cung ứng sử dụng cho tiêu dùng của CSKD
- c. Để tiếp tục quá trình sản xuất trong một cơ sở sản xuất, kinh doanh- **Đáp án**
- d. Do CSKD biếu, tặng

Câu 27: Giá tính thuế GTGT đối với hàng hoá nhập khẩu là:

- a. Giá chưa có thuế GTGT
- b. Giá chưa có thuế GTGT, đã có thuế TTĐB
- c. Giá chưa có thuế GTGT, đã có thuế nhập khẩu
- d. Giá nhập khẩu tại cửa khẩu cộng (+) với thuế nhập khẩu (nếu có), cộng (+) với thuế TTĐB (nếu có). -

Đáp án

Câu 28: Trường hợp xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu, giá tính thuế GTGT là:

- a. Giá trị xây dựng lắp đặt thực tế
- b. Giá xây dựng lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu, chưa có thuế GTGT
- c. Giá xây dựng, lắp đặt bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu chưa có thuế GTGT - **Đáp án**
- d. Giá tính thuế hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng công việc hoàn thành bàn giao chưa có

thuế GTGT

Câu 29: Trường hợp xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, giá tính thuế GTGT là:

- a. Giá trị xây dựng lắp đặt thực tế
- b. Giá xây dựng lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu, chưa có thuế GTGT - **Đáp án**
- c. Giá xây dựng, lắp đặt bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu chưa có thuế GTGT
- d. Giá tính thuế hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng công việc hoàn thành bàn giao chưa có

thuế GTGT

Câu 30: Trường hợp xây dựng, lắp đặt thực hiện thanh toán theo hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành bàn giao, giá tính thuế GTGT là:

- a. Giá trị xây dựng lắp đặt thực tế.
- b. Giá xây dựng lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu, chưa có thuế GTGT
- c. Giá xây dựng, lắp đặt bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu chưa có thuế GTGT
- d. Giá tính thuế hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng công việc hoàn thành bàn giao chưa có

thuế GTGT - **Đáp án**

Câu 31: Đối với kinh doanh bất động sản, giá tính thuế GTGT là:

- a. Giá chuyển nhượng BĐS
- b. Giá chuyển nhượng BĐS trừ giá đất
- c. Giá chuyển nhượng BĐS trừ giá đất (hoặc giá thuê đất) thực tế tại thời điểm chuyển nhượng -

Đáp án

- d. Giá bán nhà và chuyển quyền sử dụng đất

Câu 32: Thuế suất 0% không áp dụng đối với:

- a. HH xuất khẩu
- b. Dịch vụ xuất khẩu
- c. Vận tải quốc tế
- d. Xe ô tô bán cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan **-Đáp án**

Câu 33: Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp khấu trừ thuế được xác định bằng (=)?

- a. Số thuế GTGT đầu ra trừ (-) số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ. **- Đáp án**
- b. Tổng số thuế GTGT đầu ra
- c. GTGT của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất thuế GTGT của loại hàng hoá, dịch vụ đó.
- d. Số thuế GTGT đầu ra trừ (-) số thuế GTGT đầu vào.

Câu 34: Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với đối tượng nào sau đây?

- a. Cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
- b. Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
- c. Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.
- d. Cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ và đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế. **- Đáp án**

Câu 35: Từ ngày 01/01/2009, khi bán hàng ghi thuế suất cao hơn quy định mà CSKD chưa tự điều chỉnh, cơ quan thuế kiểm tra, phát hiện thì xử lý như sau:

- a. Được lập lại hoá đơn mới theo đúng thuế suất quy định.
- b. Phải kê khai, nộp thuế theo mức thuế suất ghi trên hoá đơn. **-Đáp án**
- c. Phải kê khai, nộp thuế theo mức thuế suất quy định.
- d. Không phải kê khai, nộp thuế.

Câu 36: Từ ngày 01/01/2009, khi CQT thanh tra, kiểm tra thuế phát hiện trường hợp hoá đơn ghi mức thuế suất thuế giá trị gia tăng thấp hơn quy định thì xử lý bên bán như thế nào?.

- a. Được lập lại hoá đơn mới theo đúng thuế suất quy định.
- b. Phải kê khai, nộp thuế theo mức thuế suất ghi trên hoá đơn.
- c. Phải kê khai, nộp thuế theo mức thuế suất quy định. **-Đáp án**
- d. Không phải kê khai, nộp thuế.

Câu 37: Từ ngày 01/01/2009, khi CQT thanh tra, kiểm tra thuế phát hiện trường hợp hoá đơn ghi mức thuế suất thuế giá trị gia tăng thấp hơn quy định thì xử lý bên mua như thế nào?.

- a. Yêu cầu bên bán lập lại hoá đơn mới theo đúng thuế suất quy định và được kê khai bổ sung. **-Đáp án**
- b. Khấu trừ thuế đầu vào theo thuế suất ghi trên hoá đơn
- c. Được khấu trừ thuế đầu vào theo thuế suất quy định
- d. Không được khấu trừ đầu vào.

Câu 38: DN A có hoá đơn GTGT mua vào lập ngày 12/05/2009. Trong kỳ kê khai thuế tháng 5/2009, doanh nghiệp A bỏ sót không kê khai hoá đơn này. Thời hạn kê khai, khấu trừ bổ sung tối đa là vào kỳ khai thuế tháng mấy?

- a. Tháng 8/2009
- b. Tháng 9/2009
- c. Tháng 10/2009-**Đáp án**
- d. Tháng 11/2009

Câu 39: Từ 01/01/2009 điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với HHDV từ 20 triệu đồng trở lên được bổ sung thêm quy định nào sau đây:

- a. Có hoá đơn GTGT
- b. Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng
- c. Cả hai đáp án trên-**Đáp án**

Câu 40: Từ 01/01/2009 trường hợp nào không được coi là thanh toán qua ngân hàng để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với HHDV từ 20 triệu đồng trở lên:

- a. Bù trừ công nợ
- b. Bù trừ giữa giá trị HHDV mua vào với giá trị HHDV bán ra
- c. Thanh toán uỷ quyền qua bên thứ 3 thanh toán qua ngân hàng-**Đáp án**
- d. Chứng từ nộp tiền mặt vào tài khoản bên bán

Câu 41: Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT được xác định bằng (=)?

- a. Số thuế giá trị gia tăng đầu ra trừ (-) số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ.
- b. Tổng số thuế GTGT đầu ra
- c. Giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất thuế giá trị gia tăng của loại hàng hoá, dịch vụ đó. -**Đáp án**
- d. Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất thuế giá trị gia tăng của loại hàng hoá, dịch vụ đó.

Câu 42: Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT áp dụng đối với đối tượng nào sau đây?

- a. Cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
- b. Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
- c. Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.
- d. Cả ba đáp án trên đều đúng. -**Đáp án**

Câu 43: Hoá đơn, chứng từ mua, bán, sử dụng nào dưới đây được coi là không hợp pháp:

- a. Mua, bán, sử dụng hoá đơn đã hết giá trị sử dụng. -**Đáp án**
- b. Hoá đơn do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) phát hành do cơ quan thuế cung cấp cho các cơ sở kinh doanh.
- c. Hoá đơn do các cơ sở kinh doanh tự in để sử dụng theo mẫu quy định và đã được cơ quan Thuế chấp nhận cho sử dụng.
- d. Các loại hoá đơn, chứng từ đặc thù khác được phép sử dụng.

Câu 44: Cơ sở kinh doanh nào được hoàn thuế trong các trường hợp sau:

- a. Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT nếu trong 1 tháng liên tục trở lên có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết.
- b. Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT nếu trong 2 tháng liên tục trở lên có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết. Số thuế được hoàn là số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết của thời gian xin hoàn thuế.

c. Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT nếu trong 3 tháng liên tục trở lên có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết. Số thuế được hoàn là số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết của thời gian xin hoàn thuế. **-Đáp án**

d. Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT nếu trong 4 tháng liên tục trở lên có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết. Số thuế được hoàn là số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết của thời gian xin hoàn thuế.

Câu 45: Đối với cơ sở kinh doanh nào dưới đây trong tháng có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu được xét hoàn thuế theo tháng:

a. Cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu nếu thuế GTGT đầu vào của hàng hóa xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ 100 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo tháng.

b. Cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu nếu thuế GTGT đầu vào của hàng hóa xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ 150 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo tháng.

c. Cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu nếu thuế GTGT đầu vào của hàng hóa xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo tháng. **-**

Đáp án

d. Cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu nếu thuế GTGT đầu vào của hàng hóa xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo tháng.

Câu 46: Đối tượng và trường hợp nào sau đây được hoàn thuế GTGT:

a. CSKD có quyết định xử lý hoàn thuế của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

b. Đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của Pháp lệnh về ưu đãi miễn trừ ngoại giao.

c. Hoàn thuế GTGT đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo.

d. Cả 3 trường hợp trên **-Đáp án**

Câu 47: Đối tượng và trường hợp nào sau đây được hoàn thuế GTGT:

a. CSKD nộp thuế theo phương pháp khấu trừ trong 3 tháng liên tục trở lên có số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết.

b. Đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của Pháp lệnh về ưu đãi miễn trừ ngoại giao.

c. CSKD quyết toán thuế khi chia, tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết hoặc có số thuế GTGT nộp thừa.

d. Cả 3 trường hợp trên **-Đáp án**

Câu 48: Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế GTGT đối với khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

a. Chậm nhất là ngày thứ 15 của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế.

b. Chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế.

c. Chậm nhất là ngày thứ 25 của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế.

d. Chậm nhất là ngày thứ 30 của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế.

Câu 49: Khai thuế GTGT là loại thuế khai theo tháng và các trường hợp:

a. Khai thuế GTGT theo từng lần phát sinh đối với thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên doanh số của người kinh doanh không thường xuyên.

b. Khai thuế GTGT tạm tính theo từng lần phát sinh đối với hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vắng lại ngoại tỉnh

c. Khai quyết toán năm đối với thuế GTGT tính theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT

d. Tất cả các phương án trên. **-Đáp án**

Câu 50: Thời hạn nộp thuế GTGT:

- a. Đối với NNT theo phương pháp khấu trừ là ngày 20.
- b. Đối với trường hợp nhập khẩu hàng hoá là thời hạn nộp thuế nhập khẩu.
- c. Đối với hộ kinh doanh nộp thuế khoán, theo thông báo nộp thuế khoán của cơ quan thuế.
- d. Tất cả các phương án trên. **-Đáp án**

Câu 51. Giá tính thuế GTGT của hàng hóa do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra là:

- a. Giá bán lẻ hàng hóa trên thị trường
- b. Giá bán chưa có thuế GTGT **-Đáp án**
- c. Tổng số thuế GTGT ghi trên hóa đơn

Câu 52. Giá tính thuế GTGT đối với hàng hoá nhập khẩu là:

- a. Giá nhập khẩu tại cửa khẩu + Thuế TTĐB (nếu có)
- b. Giá hàng hoá nhập khẩu.
- c. Giá nhập khẩu tại cửa khẩu + Thuế nhập khẩu (nếu có) + Thuế TTĐB (nếu có) **-Đáp án**

Câu 53. Việc tính thuế GTGT có thể thực hiện bằng phương pháp nào?

- a. Phương pháp khấu trừ thuế
- b. Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT
- c. Cả 2 cách trên **-Đáp án**

Câu 54. Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài là đối tượng chịu mức thuế suất thuế GTGT nào?

- a. 0% **-Đáp án**
- b. 5%
- c. Không thuộc diện chịu thuế GTGT

Câu 55. Theo phương pháp khấu trừ thuế, số thuế GTGT phải nộp được xác định bằng:

- a. Thuế GTGT đầu ra x Thuế suất thuế GTGT của HHDV
- b. Thuế GTGT đầu ra - Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ **-Đáp án**
- c. Giá tính thuế của HHDV x Thuế suất thuế GTGT của HHDV

Câu 56. Theo phương pháp tính thuế GTGT trực tiếp trên GTGT, số thuế GTGT phải nộp được xác định bằng:

- a. GTGT của HHDV chịu thuế x thuế suất thuế GTGT của HHDV tương ứng **-Đáp án**
- b. Thuế GTGT đầu ra – Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
- c. Giá thanh toán của HHDV bán ra – Giá thanh toán của HHDV mua vào.

Câu 57. Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT được khấu trừ như thế nào?

- a. Khấu trừ toàn bộ **-Đáp án**
- b. Khấu trừ 50%
- c. Không được khấu trừ

Câu 58. Căn cứ tính thuế GTGT là gì?

- a. Giá bán hàng hóa tại cơ sở sản xuất và thuế suất
- b. Giá bán hàng hóa trên thị trường và thuế suất
- c. Giá tính thuế và thuế suất **-Đáp án**

Câu 59. Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT nếu:

- a. Trong 2 tháng liên tục trở lên có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết
- b. Trong 3 tháng liên tục trở lên có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết **-Đáp án**
- c. Trong 4 tháng liên tục trở lên có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết

Câu 60. Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì:

- Được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT -**Đáp án**
- Được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT
- Cả 2 phương án trên đều sai

Câu 61. Thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT thì :

- Được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của TSCĐ theo tỷ lệ khấu hao trích cho hoạt động sản, xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT -**Đáp án**
- Được khấu trừ toàn bộ.
- Cả 2 phương án trên đều sai

Câu 43. Giá tính thuế GTGT đối với hàng hoá chịu thuế TTĐB là giá bán:

- Giá bán đã có thuế Tiêu thụ đặc biệt
- Giá bán đã có thuế Tiêu thụ đặc biệt nhưng chưa có thuế GTGT. -**Đáp án**
- Giá bán đã có thuế Tiêu thụ đặc biệt và thuế GTGT

Câu 44. Giá tính thuế đối với hàng hoá bán theo phương thức trả góp là:

- Giá bán trả một lần
- Giá bán trả một lần chưa có thuế GTGT, không bao gồm lãi trả góp -**Đáp án**
- Giá bán trả một lần cộng lãi trả góp

Câu 45. Thuế GTGT đầu vào chỉ được khấu trừ khi:

- Có hoá đơn giá trị gia tăng mua hàng hoá, dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu
- Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hoá, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng;
- Đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này phải có hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán, gia công hàng hoá, cung ứng dịch vụ, hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ, chứng từ thanh toán qua ngân hàng, tờ khai hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu.
- Cả a, b, c.

Câu 46. Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn Thuế GTGT trong trường hợp sau:

- Trong 3 tháng trở lên có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết.
- Trong 3 tháng liên tục trở lên có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết. -**Đáp án**
- Cả a và b

Câu 47. Cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu được xét hoàn thuế GTGT theo tháng nếu thuế GTGT đầu vào của hàng hóa xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ:

- 300.000.000 đồng trở lên
- 200.000.000 đồng trở lên -**Đáp án**
- 250.000.000 đồng trở lên

Câu 48. Mức thuế suất thuế GTGT 0% được áp dụng trong trường hợp nào sau đây:

- Dạy học
- Dạy nghề

- c. Vận tải quốc tế-**Đáp án**
d. Sản phẩm trồng trọt

Câu 49. Trường hợp nào sau đây không chịu thuế giá trị gia tăng;

- a. Thức ăn gia súc
b. Thức ăn cho vật nuôi
c. Máy bay (loại trong nước chưa sản xuất được) nhập khẩu để tạo Tài sản cố định của doanh nghiệp. -**Đáp án**
d. Nước sạch phục vụ sinh hoạt.

Câu 50. Trường hợp nào sau đây không chịu thuế giá trị gia tăng;

- a. Dịch vụ vận tải quốc tế
b. Chuyển quyền sử dụng đất-**Đáp án**
c. Thức ăn gia súc
d. Nước sạch phục vụ sản xuất.

Câu 51. Doanh nghiệp A bán 5 quạt điện, giá bán chưa có thuế là 500.000 đồng/cái. Thuế suất 10%. Thuế GTGT đầu ra của số quạt đó là bao nhiêu?

- a. 200.000 đồng
b. 250.000 đồng-**Đáp án**
c. 300.000 đồng

Câu 52. Doanh nghiệp B nhập khẩu 1000 chai rượu 39 độ giá chưa có thuế TTĐB là 300.000 đồng/chai, thuế suất thuế TTĐB là 30%. Giá tính thuế GTGT của 01 chai rượu đó là bao nhiêu?

- a. 390.000 đồng-**Đáp án**
b. 400.000 đồng
c. 410.000 đồng

Câu 53. Doanh nghiệp X có doanh thu bán sản phẩm đồ chơi trẻ em chưa bao gồm thuế GTGT trong tháng 7/2009 là 100.000.000 đồng

- Thuế GTGT đầu vào tập hợp được đủ điều kiện thực hiện khấu trừ: 2.000.000 đồng

- Biết thuế suất thuế GTGT của sản phẩm đồ chơi trẻ em là 5%

Thuế GTGT phải nộp đến hết kỳ tính thuế tháng 07/2009 của công ty là bao nhiêu?

- a. 2.000.000 đồng
b. 3.000.000 đồng-**Đáp án**
c. 4.000.000 đồng

Câu 54. Công ty xây dựng Y có doanh thu trong kỳ tính thuế là 2.000.000.000 đồng.

Trong đó:

+ Doanh thu từ thực hiện hợp đồng xây dựng với doanh nghiệp Z: 1.500.000.000 đồng.

+ Doanh thu từ thực hiện hợp đồng xây dựng khác : 500.000.000 đồng.

- Thuế GTGT đầu vào tập hợp được đủ điều kiện thực hiện khấu trừ: 20.000.000 đồng

- Doanh nghiệp được giảm 50% thuế suất thuế GTGT (biết thuế suất thuế GTGT của hoạt động xây dựng là 10%)

Thuế GTGT phải nộp đến hết kỳ tính thuế tháng của công ty Y là bao nhiêu?

- a. 60.000.000 đồng
b. 70.000.000 đồng
c. 80.000.000 đồng-**Đáp án**

Câu 55. Công ty cổ phần thương mại và xây dựng M có doanh thu trong kỳ tính thuế là 5.000.000.000 đồng.

Trong đó:

- + Doanh thu từ hoạt động kinh doanh thương mại: 2.000.000.000 đồng.
- + Doanh thu từ thực hiện hợp đồng xây dựng khác : 3.000.000.000 đồng.
- Thuế GTGT đầu vào tập hợp được đủ điều kiện thực hiện khấu trừ: 75.000.000 đồng
- Biết thuế suất thuế GTGT của hoạt động kinh doanh thương mại và xây dựng là 10%)

Thuế GTGT phải nộp đến hết kỳ tính thuế tháng của công ty M là bao nhiêu?

- a. 425.000.000 đồng-**Đáp án**
- b. 450.000.000 đồng
- c. 475.000.000 đồng

Câu 56. Công ty N có doanh thu bán thiết bị y tế chưa bao gồm thuế GTGT trong tháng 5/2009 là 1.000.000.000 đồng

- Thuế GTGT đầu vào tập hợp được đủ điều kiện thực hiện khấu trừ: 20.000.000 đồng
 - Biết thuế suất thuế GTGT của sản phẩm thiết bị y tế là 5% và doanh nghiệp được giảm 50% mức thuế suất
- Thuế GTGT phải nộp đến hết kỳ tính thuế tháng 05/2009 của công ty N là:

- a. 3.000.000 đồng
- b. 5.000.000 đồng-**Đáp án**
- c. 7.000.000 đồng

Câu 57. Kỳ tính thuế tháng 7/2009, Công ty Thương mại AMB có số liệu sau:

- Số thuế GTGT đầu vào: 400.000.000 đồng (trong đó có 01 hoá đơn có số thuế GTGT đầu vào là 30.000.000 đồng được thanh toán bằng tiền mặt).
 - Số thuế GTGT đầu ra: 800.000.000 đồng.
 - Số thuế GTGT còn phải nộp cuối kỳ tính thuế tháng 06/2006 là: 0 đồng.
- Số thuế GTGT phải nộp kỳ tính thuế tháng 7/2009 của công ty AMB là:

- a.400.000.000 đồng-**Đáp án**
- b.370.000.000 đồng
- c. 430.000.000 đồng
- d. Cả 3 phương án trên đều sai

Câu 58. Kỳ tính thuế tháng 8/2009, Công ty Thương mại Phương Đông có số liệu:

- Số thuế GTGT đầu vào hợp được: 600.000.000 đồng (trong đó Mua 01 tài sản cố định có số thuế GTGT đầu vào là 500.000.000 đồng dùng để sản xuất hàng hoá chịu thuế GTGT là 50% thời gian; dùng để sản xuất hàng hoá không chịu thuế GTGT là 50% thời gian.)
 - Số thuế GTGT đầu ra tập hợp được: 700.000.000 đồng
- Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ kỳ tính thuế tháng 8/2009 là:

- a. 600.000.000 đồng
- b. 110.000.000 đồng
- c. 350.000.000 đồng-**Đáp án**
- d. Cả 3 phương án trên đều sai

Câu 59. Kỳ tính thuế tháng 6/2009. Công ty Xây dựng Thăng Tiến có số liệu sau:

- Hoàn thành bàn giao các công trình, giá trị xây lắp chưa thuế GTGT : 12.000.0000.000 đồng
 - Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ : 500.000.000 đồng.
 - Thuế GTGT còn phải nộp đầu kỳ tính thuế tháng 6/2009: 0 đồng
 - Thuế suất thuế GTGT của hoạt động xây dựng, lắp đặt: 10% (Hiện đang trong thời gian được giảm 50% thuế suất thuế GTGT).
- Số thuế GTGT phải nộp kỳ tính thuế tháng 6/2009 là:

- a. 100.000.000 đồng-**Đáp án**
- b. 700.000.000 đồng
- c. Cả 2 phương án trên đều sai

Câu 60. Công ty thương mại VINCOMAIE đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Trong tháng 8/2009, theo yêu cầu của khách hàng công ty đã xuất 01 hoá đơn GTGT không ghi khoản thuế GTGT đầu ra mà chỉ ghi tổng giá thanh toán là 660.000.000 đồng. Biết rằng mặt hàng này có thuế suất thuế GTGT là 10%.

Số thuế GTGT đầu ra tính trên hoá đơn này là:

- a. 60.000.000 đồng-**Đáp án**
- b. 66.000.000 đồng
- c. 0,0 đồng.
- d. Cả 3 trường hợp trên đều sai.

Câu 61. Kỳ tính thuế tháng 7/2009, Công ty cổ phần ô tô AMP có số liệu sau:

- Bán 10 xe ô tô 9 chỗ ngồi theo phương thức trả góp, thời gian thanh toán trong vòng 2 năm (chia thành 10 kỳ, mỗi kỳ thanh toán 220.000.000 đồng) với giá bán chưa có Thuế GTGT là 2.000.000.000 đồng, lãi trả góp 200.000.000 đồng/xe; Thuế suất thuế GTGT 10%. Công ty đã xuất hoá đơn cho khách hàng.

- Số thuế GTGT đầu ra kỳ tính thuế tháng 7/2009 là:

- a. 2.000.000.000 đồng
- b. 2.200.000.000 đồng
- c. 220.000.000 đồng-**Đáp án**
- d. Cả 3 phương án trên đều sai/

Câu 62: Doanh nghiệp A nhận gia công hàng hoá cho doanh nghiệp B, có các số liệu sau:

- Tiền công DN B trả cho DN A là 40 triệu đồng

- Nhiên liệu, vật liệu phụ và chi phí khác phục vụ gia công hàng hoá do DN A mua (chưa có thuế GTGT): 15 triệu đồng

- Nguyên liệu chính do DN B cung cấp (chưa có thuế GTGT) 135 triệu đồng

Giá tính thuế GTGT?

- a. 40 triệu đồng
- b. 150 triệu đồng
- c. 55 triệu đồng
- d. 190 triệu đồng-**Đáp án**

Câu 63: Doanh nghiệp A nhận uỷ thác xuất khẩu hàng hoá cho doanh nghiệp B và đã thực hiện xuất khẩu.

Giá trị lô hàng xuất khẩu (chưa có thuế GTGT): 820 triệu đồng

Hoa hồng uỷ thác (chưa có thuế GTGT): 5%

Giá tính thuế GTGT?

- a. 820 triệu đồng
- b. 410 triệu đồng
- c. 41 triệu đồng-**Đáp án**
- d. 421 triệu đồng

Câu 64: Cơ sở kinh doanh A kinh doanh xe gắn máy, trong tháng 4/2009 có số liệu sau:

- Bán xe theo phương thức trả góp 3 tháng, giá bán trả góp chưa có thuế GTGT là 30,3 triệu đồng/xe (trong đó giá bán xe là 30 triệu đồng/xe, lãi trả góp 3 tháng là 0,3 triệu). Trong tháng 4/2009, thu được 10,1 triệu đồng.

Giá tính thuế GTGT?

- a. 30 triệu đồng
- b. 30,3 triệu đồng-**Đáp án**

- c. 10,1 triệu đồng
- d. 30,6 triệu đồng

Câu 65: Công ty du lịch Hà Nội ký hợp đồng du lịch với Công ty B tại Thái Lan theo hình thức lữ hành trọn gói cho 20 khách du lịch là 32.000 USD.

Trong đó: Tiền vé máy bay đi về: 9.000 USD

Chi phí trả cho phía nước ngoài: 1.000 USD

Tỷ giá 1 USD = 18.000 VNĐ

Giá tính thuế GTGT?

- a. 32.000×18.000
- b. 23.000×18.000
- c. 22.000×18.000 -**Đáp án**
- d. 20.000×18.000

Câu 66: Ngày 09/01/2009, CSKD A chuyên kinh doanh du lịch mua xe ô tô 7 chỗ, giá chưa có thuế GTGT là 2 tỷ đồng. CSKD được khấu trừ thuế GTGT đầu vào là bao nhiêu.

- a) 80 triệu.
- b) 100 triệu.
- c) 160 triệu.
- d) 200 triệu. -**Đáp án**

Câu 67: Trong kỳ tính thuế, Công ty A thanh toán dịch vụ đầu vào được tính khấu trừ là loại hoá đơn đặc thù như các loại vé. Tổng giá thanh toán theo hoá đơn là 110 triệu đồng (giá có thuế GTGT), dịch vụ này chịu thuế là 10%, số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ sẽ là:

- a. 0 đồng (không được khấu trừ)
- b. 10 triệu đồng -**Đáp án**
- c. 11 triệu đồng
- d. 1 triệu đồng.

Câu 68. Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hoá giá công là:

- a. Giá tính thuế của hàng hoá bán ra của cơ sở giao gia công -**Đáp án**
- b. Giá tính thuế của sản phẩm cùng loại tại cùng thời điểm bán hàng
- c. Giá tính thuế của sản phẩm tương đương tại cùng thời điểm bán hàng
- d. Hoặc a, hoặc b, hoặc c

Câu 69: Giá tính thuế TTĐB của hàng hoá sản xuất trong nước là:

- a. Giá bán của cơ sở sản xuất.
- b. Giá bán của cơ sở sản xuất chưa có thuế GTGT;
- c. Giá bán của cơ sở sản xuất chưa có thuế GTGT và TTĐB; -**Đáp án**
- d. Không câu trả lời nào trên là đúng.

Câu 70: Trường hợp cơ sở sản xuất hàng hoá chịu thuế TTĐB bằng nguyên liệu đã chịu thuế TTĐB thì số thuế TTĐB phải nộp trong kỳ là:

- a. Thuế TTĐB của hàng hoá tiêu thụ trong kỳ.
- b. Thuế TTĐB của hàng hoá xuất kho tiêu thụ trong kỳ trừ (-) Số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nguyên liệu mua vào tương ứng với số hàng hoá xuất kho tiêu thụ trong kỳ (nếu có chứng từ hợp pháp)
- c. Thuế TTĐB của hàng hoá xuất kho tiêu thụ trong kỳ trừ (-) Số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nguyên liệu mua vào (nếu có chứng từ hợp pháp) -**Đáp án**
- d. Không có câu nào trên là đúng.

Câu 71. Những hàng hoá dưới đây, hàng hoá nào thuộc diện chịu thuế TTĐB:

- a. Tàu bay du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh
- b. Xe ô tô chở người từ 24 chỗ trở lên;
- c. Điều hoà nhiệt độ có công suất trên 90.000 BTU;
- d. Xe mô tô hai bánh có dung tích trên 125cm³. **-Đáp án**

Câu 72. Trường hợp nào dưới đây mà người nộp thuế sản xuất hàng hoá thuộc diện chịu thuế TTĐB được xét giảm thuế TTĐB:

- a. Gặp khó khăn do thiên tai;
- b. Gặp khó khăn do tai nạn bất ngờ;
- c. Kinh doanh bị thua lỗ;
- d. a và b đều đúng. **-Đáp án**

Câu 73: Luật thuế TTĐB số 27/2008/QH12

- a. Có hiệu lực thi hành từ 1/1/2009;
- b. Có hiệu lực thi hành từ 1/1/2010;
- c. Có hiệu lực thi hành từ 1/4/2009 đối với tất cả các mặt hàng chịu thuế TTĐB;
- d. Có hiệu lực thi hành từ 1/4/2009; các quy định đối với mặt hàng rượu và bia có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2010. **-Đáp án**

Câu 74. Căn cứ tính thuế TTĐB là gì?

- a. Giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB và thuế suất thuế TTĐB của hàng hóa, dịch vụ đó. **-Đáp án**
- b. Giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB
- c. Thuế suất thuế TTĐB

Câu 75. Giá tính thuế TTĐB đối với hàng nhập khẩu thuộc diện chịu thuế TTĐB là?

- a. Giá tính thuế nhập khẩu
- b. Giá tính thuế nhập khẩu + Thuế nhập khẩu **-Đáp án**
- c. Giá tính thuế nhập khẩu + Thuế suất nhập khẩu + Thuế GTGT

Câu 76. Giá tính thuế của hàng hóa chịu thuế TTĐB sản xuất trong nước là?

- a. Giá do cơ quan thuế ấn định
- b. Giá do cơ sở sản xuất bán ra **-Đáp án**

Câu 77. Phương pháp tính thuế TTĐB như thế nào?

- a. Thuế TTĐB phải nộp = Giá tính thuế TTĐB x Thuế suất thuế TTĐB. **-Đáp án**
- b. Thuế TTĐB phải nộp = Giá tính thuế TTĐB + Thuế GTGT
- c. Thuế TTĐB phải nộp = Giá tính thuế TTĐB + Thuế nhập khẩu

Câu 78. Giá tính thuế TTĐB của hàng hoá gia công là?

- a. Giá bán ra của cơ sở gia công hoặc giá bán của sản phẩm cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm bán hàng chưa có thuế GTGT và chưa có thuế TTĐB. **-Đáp án**
- b. Giá bán ra của cơ sở gia công hoặc giá bán của sản phẩm cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm bán hàng chưa có thuế TTĐB.
- c. Giá bán ra của cơ sở gia công hoặc giá bán của sản phẩm cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm bán hàng chưa có thuế GTGT

Câu 79. Giám đốc công ty B mua 1 chiếc du thuyền để vận chuyển hành khách và phục vụ khách du lịch, trường hợp này chiếc du thuyền đó có phải chịu thuế TTĐB không?

- a. Có
- b. Không **-Đáp án**

Câu 80. Hàng hoá nào sau đây không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt:

- a. Chè phẩm từ cây thuốc lá dùng để nhai
- b. Bài lá
- c. Rượu
- d. Tàu bay dùng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hành khách. **-Đáp án**

Câu 81. Hàng hoá nào sau đây chịu thuế tiêu thụ đặc biệt:

- a. Tàu bay sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hoá.
- b. Tàu bay sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hành khách.
- c. Tàu bay sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch.
- d. Tàu bay dùng cho mục đích cá nhân. **-Đáp án**

Câu 82. Trong kỳ tính thuế tháng 7/2009, Công ty A mua hàng hoá thuộc diện chịu thuế TTĐB của cơ sở sản xuất D để xuất khẩu nhưng chỉ xuất khẩu một phần, phần còn lại thì tiêu thụ hết ở trong nước. Công ty D phải khai và nộp thuế tiêu thụ đặc biệt kỳ tính thuế tháng 7/2009 cho:

- a. Toàn bộ số hàng hoá đã mua của cơ sở sản xuất D trong kỳ tính thuế tháng 7/2009. **-Đáp án**
- b. Toàn bộ số hàng hoá đã xuất khẩu mua của cơ sở sản xuất D trong kỳ tính thuế tháng 7/2009 .
- c. Toàn bộ số hàng hoá đã tiêu thụ trong nước mua của cơ sở sản xuất D trong kỳ tính thuế tháng 7/2009.
- d. cả a, b, c đều sai.

Câu 83. Hàng hoá nào sau đây không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt:

- a. Hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt mua của cơ sở sản xuất để xuất khẩu nhưng không xuất khẩu. **-Đáp án**
- b. Hàng hoá do cơ sở sản xuất uỷ thác cho cơ sở kinh doanh khác để xuất khẩu.
- c. Xe ô tô chở người dưới 24 chỗ nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan
- d. Xe mô tô 2 bánh có dung tích xi lanh trên 125 cm³.

Câu 84. Giá tính thuế Tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hoá sản xuất trong nước là:

- a. Giá do cơ sở sản xuất bán ra.
- b. Giá do cơ sở sản xuất bán ra chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt.
- c. Giá do cơ sở sản xuất bán ra chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt và chưa có thuế Giá trị gia tăng. **-Đáp án**
- d. Giá do cơ sở sản xuất bán ra chưa có thuế Giá trị gia tăng

Câu 85. Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hoá nhập khẩu là:

- a. Giá đã bao gồm thuế Nhập khẩu và thuế Tiêu thụ đặc biệt
- b. Giá chưa bao gồm thuế Nhập khẩu và thuế Tiêu thụ đặc biệt
- c. Giá đã bao gồm thuế Nhập khẩu chưa bao gồm thuế Tiêu thụ đặc biệt **-Đáp án**
- d. Cả 3 trường hợp trên đều sai:

Câu 86. Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hoá bán theo phương thức trả góp là:

- a. Giá bán theo phương thức trả tiền một lần của hàng hoá đó cộng với khoản lãi trả góp.
- b. Giá bán theo phương thức trả tiền một lần của hàng hoá đó không bao gồm khoản lãi trả góp. **-Đáp án**
- c. Tổng số tiền thu được từ việc bán hàng hoá đó.
- d. Tổng số tiền thu được từ việc bán hàng hoá đó chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Câu 87. Người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt được hoàn thuế đã nộp trong trường hợp nào?

- a. Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu.
- b. Hàng hoá là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu
- c. Hàng hoá là nguyên liệu nhập khẩu để gia công hàng xuất khẩu
- d. Cả 3 trường hợp trên. **-Đáp án**

Câu 88. Người nộp thuế TNDN bao gồm:

- Tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế.
- Hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế.
- Cả 2 đối tượng nêu trên. **-Đáp án**

Câu 89. Trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế TNDN hoặc loại thuế tương tự thuế TNDN ở ngoài Việt Nam thì khi tính thuế TNDN phải nộp tại Việt Nam, doanh nghiệp được tính trừ:

- Số thuế TNDN đã nộp tại nước ngoài.
- Số thuế TNDN đã nộp tại nước ngoài nhưng tối đa không quá số thuế TNDN phải nộp theo quy định của Luật thuế TNDN tại Việt Nam. **-Đáp án**
- Không có trường hợp nào nêu trên.

Câu 90. Khoản chi nào đáp ứng đủ các điều kiện để được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế?

- Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;
- Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật và không vượt mức khống chế theo quy định.
- Khoản chi đáp ứng cả 2 điều kiện nêu trên.

Câu 91. Khoản chi nào dưới đây không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế?

- Khoản chi không có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- Khoản chi không có hoá đơn nhưng có bảng kê và bảng kê này thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.
- Khoản chi thưởng sáng kiến, cải tiến có quy chế quy định cụ thể về việc chi thưởng sáng kiến, cải tiến, có hội đồng nghiệm thu sáng kiến, cải tiến.

Câu 92. Phần trích khấu hao TSCĐ nào dưới đây không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:

- Khấu hao đối với TSCĐ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang được sử dụng.
- Khấu hao đối với TSCĐ có giấy tờ chứng minh được thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp (trừ TSCĐ thuê mua tài chính).
- Khấu hao đối với TSCĐ được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của doanh nghiệp theo chế độ quản lý TSCĐ và hạch toán kế toán hiện hành.

Câu 93. Doanh nghiệp không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản chi trả cho người lao động nào dưới đây:

- Tiền lương, tiền công trả cho người lao động có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
- Tiền thưởng cho người lao động không ghi cụ thể điều kiện được hưởng trong hợp đồng lao động hoặc thoả ước lao động tập thể.
- Cả 2 khoản chi nêu trên.

Câu 94. Doanh nghiệp không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản chi nào dưới đây:

- Khoản trích nộp quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo mức quy định.
- Khoản chi tài trợ cho giáo dục theo đúng quy định.
- Các khoản chi về đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn đầu tư để hình thành tài sản cố định;
- Không có khoản chi nào nêu trên.

Câu 95. Doanh nghiệp thành lập mới trong 3 năm đầu được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với phần chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới; chi tiếp tân, khánh tiết, hội nghị không vượt quá bao nhiêu % tổng số chi được trừ:

- 15%

- b. 20%
- c. 25%

Câu 96. Khoản chi nào sau đây không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:

- a. Tiền lương, tiền công của chủ doanh nghiệp tư nhân; Tiền lương, tiền công của chủ công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên (do một cá nhân làm chủ).
- b. Tiền lương trả cho các thành viên của hội đồng quản trị trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ.
- c. Cả hai khoản chi (a) và (b) nêu trên.

Câu 97. Doanh nghiệp được tính vào chi phí khoản chi nào dưới đây khi có đầy đủ hoá đơn chứng từ.

- a. Phần trả lãi tiền vay vốn sản xuất kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay.
- b. Chi trả lãi tiền vay để góp vốn điều lệ hoặc chi trả lãi tiền vay tương ứng với phần vốn điều lệ đã đăng ký còn thiếu.
- c. Chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất kinh doanh của tổ chức tín dụng khi đã góp đủ vốn điều lệ.
- d. Không có khoản chi nào cả.

Câu 98. Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản chi nào dưới đây:

- a. Thuế GTGT đầu vào đã được khấu trừ hoặc hoàn.
- b. Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- c. Không có khoản chi nào nêu trên.

Câu 99. Doanh nghiệp không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản chi nào dưới đây:

- a. Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- b. Thuế xuất nhập khẩu.
- c. Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Câu 100. Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản chi nào dưới đây:

- a. Chi tài trợ cho giáo dục, y tế, khắc phục hậu quả thiên tai và làm nhà tình nghĩa cho người nghèo theo đúng quy định.
- b. Chi ủng hộ địa phương; chi ủng hộ các đoàn thể, tổ chức xã hội ngoài doanh nghiệp.
- c. Chi phí mua thẻ hội viên sân golf, chi phí chơi golf.
- d. Không có khoản chi nào nêu trên.

Câu 101. Doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam được trích tối đa bao nhiêu phần trăm (%) thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp?

- a. 10%
- b. 15%.
- c. 20%.

Câu 102. Trong thời hạn 5 năm, kể từ khi trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hết bao nhiêu % thì doanh nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước phần thuế TNDN tính trên khoản thu nhập đã trích lập quỹ mà không sử dụng hết và phần lãi phát sinh từ số thuế TNDN đó?

- a. 50%.
- b. 60%
- c. 70%

Câu 103. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để tính số thuế thu hồi đối với phần Quỹ phát triển khoa học công nghệ không được sử dụng.

- a. Thuế suất 20%
- b. Thuế suất 25%.
- c. Thuế suất áp dụng cho doanh nghiệp trong thời gian trích lập quỹ.

Câu 104. Lãi suất tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên phần Quỹ phát triển khoa học công nghệ sử dụng sai mục đích là:

- a. Lãi suất trái phiếu kho bạc loại kỳ hạn một năm áp dụng tại thời điểm thu hồi.
- b. Lãi suất tính theo tỷ lệ phạt chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế.

Câu 105. Doanh nghiệp sau khi quyết toán thuế mà bị lỗ thì được chuyển lỗ:

- a. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm phát sinh lỗ.
- b. Trong thời hạn 6 năm, kể từ năm phát sinh lỗ.
- c. Không giới hạn thời gian chuyển lỗ.

Câu 106. Quá thời hạn 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ nếu số lỗ phát sinh chưa bù trừ hết thì:

- a. Doanh nghiệp sẽ được giảm trừ tiếp vào thu nhập chịu thuế TNDN của các năm tiếp sau.
- b. Doanh nghiệp sẽ không được giảm trừ tiếp vào thu nhập chịu thuế TNDN của các năm tiếp sau.
- c. Không có trường hợp nào nêu trên.

Câu 107. Doanh thu tính thuế TNDN đối với DN nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế là:

- a. Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- b. Bao gồm cả thuế giá trị gia tăng.

Câu 108. Doanh thu tính thuế TNDN đối với DN nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng là:

- a. Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- b. Bao gồm cả thuế giá trị gia tăng.

Câu 109. Thuế suất thuế TNDN đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và tài nguyên quý hiếm khác tại VN là:

- a. Thuế suất 20%
- b. Thuế suất 25%.
- c. Thuế suất từ 32% đến 50%.

Câu 110. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán bao gồm:

- a. Chỉ có thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu.
- b. Chỉ có thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu, chứng chỉ quỹ.
- c. Bao gồm thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định.

Câu 111. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản bao gồm:

- a. Chỉ có thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất; chuyển nhượng quyền thuê đất; cho thuê lại đất của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản.
- b. Chỉ có thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất; chuyển nhượng quyền thuê đất; cho thuê lại đất của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản gắn với tài sản trên đất.
- c. Chỉ có thu nhập từ chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng nhà ở.
- d. Bao gồm tất cả các trường hợp nêu trên

Câu 112. Khi phát sinh thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản thì doanh nghiệp phải làm gì?

- a. Tách riêng để kê khai nộp thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản.
- b. Được cộng chung vào tổng thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp để tính thuế TNDN.

Câu 113. Trường hợp DN đang trong thời gian hưởng ưu đãi thuế TNDN có phát sinh thu nhập chuyển nhượng bất động sản thì doanh nghiệp thực hiện kê khai như thế nào?

- a. Cộng chung vào thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá của doanh nghiệp và hưởng ưu đãi về thuế TNDN đối với toàn bộ thu nhập.
- b. Tách riêng để kê khai nộp thuế TNDN đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản và không hưởng ưu đãi về thuế TNDN đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản.

Câu 114. Doanh nghiệp được áp dụng ưu đãi thuế TNDN khi:

- a. Không thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định.
- b. Thực hiện nộp thuế TNDN theo phương pháp ấn định.
- c. Thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định và đăng ký nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo kê khai.

Câu 115. Trong cùng một kỳ tính thuế nếu có một khoản thu nhập đáp ứng các điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo nhiều trường hợp khác nhau thì khoản thu nhập đó được áp dụng ưu đãi như thế nào?

- a. Được tổng hợp tất cả các trường hợp ưu đãi.
- b. Lựa chọn một trong những trường hợp ưu đãi có lợi nhất.

Câu 116. Thủ tục để được hưởng ưu đãi thuế TNDN như thế nào?

- a. Doanh nghiệp phải đăng ký với cơ quan thuế để được hưởng ưu đãi thuế TNDN.
- b. Doanh nghiệp tự xác định các điều kiện ưu đãi, mức ưu đãi và tự kê khai, quyết toán thuế.

Câu 117. Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế TNDN là?

- a. Toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công mà DN được hưởng.
- b. Toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ mà DN được hưởng.
- c. Toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ, trợ giá mà DN được hưởng.
- d. Toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung cấp dịch vụ, trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng.

Câu 118. Chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới, chi tiếp tân, khánh tiết, hội nghị, chi hỗ trợ tiếp thị, hỗ trợ chi phí, chiếu khấu thanh toán của doanh nghiệp được tính vào chi phí hợp lý khi tính thu nhập chịu thuế thu nhập DN tối đa bằng bao nhiêu phần trăm so với tổng chi phí được trừ?

- a. 15%
- b. 10%
- c. 8%
- d. 5%

Câu 119. Theo luật thuế TNDN thì căn cứ tính thuế Thu nhập doanh nghiệp là:

- a. Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp và thuế suất
- b. Thu nhập tính thuế và thuế suất
- c. Doanh thu trong kỳ tính thuế của doanh nghiệp và thuế suất
- d. Thu nhập ròng của doanh nghiệp và thuế suất

Câu 120. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo là:

- a) 10%
- b) 15%

- c) 20%
- d) 25%

Câu 121. Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được áp dụng thuế suất là bao nhiêu trong thời gian mười năm.

- a. 10%
- b. 15%
- c. 20%
- d. 25%

Câu 122. Thuế suất thuế TNDN áp dụng với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực y tế là:

- a. 10%
- b. 15%
- c. 20%
- d. 25%

Câu 123. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hoá thể thao là:

- a. 10%
- b. 15%
- c. 20%
- d. 25%

Câu 124. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường là:

- a. 10%
- b. 15%
- c. 20%
- d. 25%

Câu 125. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng với hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp là:

- a. 10%
- b. 15%
- c. 20%
- d. 25%

Câu 126. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng với quỹ tín dụng nhân dân là:

- a. 10%
- b. 15%
- c. 20%
- d. 25%

Câu 127: Doanh nghiệp có lỗ được chuyển lỗ sang các năm sau và trừ vào thu nhập tính thuế TNDN số lỗ đó không quá bao nhiêu năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ.

- a) 3 năm
- b) 4 năm
- c) 5 năm
- d) 6 năm

Câu 128. Các khoản Thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp:

- a. Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản của tổ chức được thành lập theo Luật hợp tác xã.
- b. Thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp.

c. Thu nhập từ hoạt động dạy nghề dành riêng cho người dân tộc thiểu số, người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng tị nạn xã hội.

d. Tất cả các trường hợp trên

Câu 129. Các khoản Thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp:

a. Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm, sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam.

b. Thu nhập từ hoạt động dạy nghề dành riêng cho người dân tộc thiểu số, người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng tị nạn xã hội.

c. Khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, văn hoá, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam.

d. Tất cả các trường hợp trên

Câu 130. Thu nhập tính thuế TNDN trong kỳ tính thuế được xác định bằng:

a. Thu nhập chịu thuế trừ (-) các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước.

b. Thu nhập chịu thuế trừ (-) thu nhập được miễn thuế trừ (-) các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước.

c. Doanh thu trừ (-) chi phí được trừ cộng (+) các khoản thu nhập khác.

d. Doanh thu trừ (-) chi phí được trừ.

Câu 131. Thu nhập chịu thuế TNDN gồm :

a. Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp.

b. Thu nhập từ hoạt động chính của doanh nghiệp và các khoản thu nhập ngoài Việt Nam

c. Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ và thu nhập khác của doanh nghiệp.

d. Không phải các phương án trên.

Câu 132. Doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam nộp thuế TNDN đối với :

a. Thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam

b. Thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam và thu nhập chịu thuế phát sinh ngoài Việt Nam.

c. Thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam và thu nhập chịu thuế phát sinh ngoài Việt Nam liên quan đến hoạt động của cơ sở thường trú đó.

d. Thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam mà khoản thu nhập này liên quan đến hoạt động của cơ sở thường trú

Câu 133. Thu nhập được miễn thuế TNDN:

a. Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản.

b. Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản của tổ chức được thành lập theo Luật Hợp tác xã.

c. Thu nhập nhận được từ hoạt động đầu tư ở nước ngoài sau khi đã nộp thuế thu nhập theo Luật của nước doanh nghiệp đầu tư.

d. Thu nhập từ lãi tiền gửi.

Câu 134. Khoản chi nào dưới đây không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN :

a. Chi mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật cho người lao động.

b. Phần chi phí quản lý kinh doanh do doanh nghiệp nước ngoài phân bổ cho cơ sở thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam.

c. Chi lãi tiền vay vốn tương ứng với vốn điều lệ còn thiếu.

d. Chi tài trợ cho giáo dục, y tế, khắc phục hậu quả thiên tai và làm nhà tình nghĩa cho người nghèo theo quy định của pháp luật.

Câu 135. Kỳ tính thuế TNDN đối với doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam được xác định theo :

a. Năm dương lịch

- b. Năm tài chính
- c. Từng lần phát sinh thu nhập
- d. a và c

Câu 136. Thuế suất thuế TNDN đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và tài nguyên quý hiếm khác là :

- a. 35%
- b. 50%
- c. Từ 32% đến 50%
- d. Từ 35% đến 50%

Câu 137. Một doanh nghiệp trong năm tính thuế có tài liệu:

- Doanh thu bán hàng: 6.000 triệu đồng
- Tổng các khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN (không bao gồm chi quảng cáo, tiếp thị ...) là 3.500 triệu đồng.
- Phần chi quảng cáo, tiếp thị ... liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp : 430 triệu đồng

Thu nhập chịu thuế TNDN của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế là:

- a. 2.070 triệu đồng
- b. 2.150 triệu đồng
- c. 2.500 triệu đồng
- d. Số khác

Câu 138. Một doanh nghiệp trong năm tính thuế có tài liệu như sau:

- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm: 4.000 triệu đồng
- Tổng hợp chi phí phát sinh trong kỳ: 3.000 triệu đồng, trong đó:
 - + Chi phí xử lý nước thải: 300 triệu đồng
 - + Chi tiền lương trả cho người lao động nhưng thực tế không chi trả: 200 trđ
 - + Các chi phí còn lại là hợp lý.

- Thuế suất thuế TNDN là 25%,

Thuế TNDN mà doanh nghiệp phải nộp trong năm:

- a. 250 triệu đồng
- b. 300 triệu đồng
- c. 375 triệu đồng
- d. Số khác

Câu 139. Doanh nghiệp X trong năm tính thuế có tài liệu sau:

- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm: 8.000 triệu đồng
- Tổng hợp chi phí phát sinh trong kỳ: 6.000 triệu đồng, trong đó:
 - + Chi trả lãi tiền vay vốn tương ứng với phần vốn điều lệ còn thiếu: 300 triệu đồng
 - + Chi đào tạo tay nghề cho công nhân: 200 triệu đồng
 - + Các chi phí còn lại được coi là hợp lý.

- Thuế suất thuế TNDN là 25%,

Thuế TNDN doanh nghiệp A phải nộp trong năm:

- a. 500 triệu đồng
- b. 625 triệu đồng
- c. 575 triệu đồng
- d. Số khác

Câu 140. Doanh nghiệp B trong năm có số liệu sau:

- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm: 7.000 triệu đồng
 - Chi phí doanh nghiệp kê khai: 5.000 triệu đồng, trong đó:
 - + Tiền lương công nhân viên có chứng từ hợp pháp: 500 triệu đồng
 - + Tiền trích trước vào chi phí không đúng quy định của pháp luật: 200 triệu đồng
 - + Các chi phí còn lại được coi là chi phí hợp lý
 - Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm (có chứng nhận đăng ký và được cơ quan quản lý có thẩm quyền xác nhận): 200 triệu đồng
- Thu nhập chịu thuế TNDN của doanh nghiệp là:

- a. 2.000 triệu đồng
- b. 2.200 triệu đồng
- c. 2.700 triệu đồng
- d. 2.900 triệu đồng

Câu 141. Một doanh nghiệp trong năm tính thuế có số liệu :

- Doanh thu bán hàng : 5.000 triệu đồng
 - DN kê khai : Tổng các khoản chi được trừ vào chi phí (không bao gồm chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới; chi tiếp tân, khánh tiết, hội nghị) là 4.000 triệu đồng.
 - Thu từ tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế : 200 triệu đồng
- Thu nhập chịu thuế TNDN của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế :

- a. 600 triệu đồng
- b. 800 triệu đồng
- c. 1.000 triệu đồng
- d. 1.200 triệu đồng

Câu 142. Một doanh nghiệp trong năm tính thuế có số liệu như sau:

- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm: 3.500 triệu đồng
- Chi phí phân bổ cho số sản phẩm tiêu thụ: 2.500 triệu đồng, trong đó:
 - + Chi tiền lương trả cho người lao động nhưng thực tế không chi trả : 100 triệu đồng
- Thuế suất thuế TNDN là 25%. Các chi phí được coi là hợp lý.

Thuế TNDN doanh nghiệp phải nộp trong năm:

- a. 250 triệu đồng
- b. 275 triệu đồng
- c. 300 triệu đồng
- d. 325 triệu đồng

Câu 143. Doanh nghiệp X trong năm tính thuế có số liệu sau :

- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm: 6.000 triệu đồng
- Chi phí phân bổ cho số sản phẩm tiêu thụ: 5.000 triệu đồng.
 - Thu nhập nhận được từ dự án đầu tư tại nước ngoài : 1.000 triệu đồng (thu nhập sau khi đã nộp thuế thu nhập theo Luật của nước doanh nghiệp X đầu tư là 300 triệu đồng)
- Thuế suất thuế TNDN là 25%. Các chi phí được coi là hợp lý.

Thuế TNDN doanh nghiệp A phải nộp trong năm:

- a. 250 triệu đồng
- b. 275 triệu đồng
- c. 575 triệu đồng.
- d. 600 triệu đồng

Câu 144. Một công ty cổ phần trong năm tính thuế có số liệu như sau:

- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm: 10.000 triệu đồng

- Chi phí doanh nghiệp kê khai: 8.500 triệu đồng, trong đó:
 - + Tiền lương của các sáng lập viên doanh nghiệp nhưng không tham gia điều hành doanh nghiệp có chứng từ hợp pháp: 500 triệu đồng
- Thuế suất thuế TNDN là 25%.
- Thuế TNDN phải nộp trong năm tính thuế :
- a. 250 triệu đồng
 - b. 375 triệu đồng
 - c. 500 triệu đồng
 - d. 520 triệu đồng

Câu 145. Doanh nghiệp A trong kỳ tính thuế có số liệu sau :

- Doanh thu trong kỳ là : 10.000 triệu đồng
- Chi phí doanh nghiệp kê khai : 8.100 triệu đồng, trong đó :
- Chi nộp tiền phạt do vi phạm hành chính là 100 triệu đồng
 - Chi tài trợ y tế là : 100 triệu đồng
- Thu nhập chịu thuế :
- a. 1.900 triệu đồng
 - b. 2.000 triệu đồng
 - c. 2.100 triệu đồng
 - d. 2.200 triệu đồng

Câu 146. Doanh nghiệp Y có các khoản chi phí khai trong kỳ tính thuế : 25.000 triệu đồng, trong đó:

- + Chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động : 500 triệu đồng
 - + Chi trả lãi vay vốn điều lệ còn thiếu : 200 triệu đồng
 - + Chi trả lãi vay vốn Ngân hàng dùng cho sản xuất, kinh doanh : 300 triệu đồng
- Chi phí quảng cáo, tiếp thị, giao dịch ...được tính vào chi phí hợp lý của doanh nghiệp là:

- a. 2.400 triệu đồng
- b. 2.430 triệu đồng
- c. 2.450 triệu đồng
- d. 2.480 triệu đồng

Câu 147. Một doanh nghiệp mới thành lập được 1 năm, trong năm tính thuế có tài liệu như sau:

- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm: 3.000 triệu đồng
 - Chi phí doanh nghiệp kê khai: 2.000 triệu đồng (có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp, chưa bao gồm chi phí quảng cáo, khuyến mãi)
- Chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mãi của doanh nghiệp được phép trừ tối đa khi tính thu nhập chịu thuế là:
- a. 200 triệu đồng
 - b. 250 triệu đồng
 - c. 300 triệu đồng
 - d. 350 triệu đồng

Câu 148. Doanh nghiệp sản xuất A thành lập năm 2002, báo cáo quyết toán thuế TNDN năm 2009 có số liệu về chi phí được ghi nhận như sau :

- Phần chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới; chi tiếp tân, khánh tiết liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp: 600 triệu đồng
 - Tổng các khoản chi phí được trừ (không bao gồm: phần chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới; chi tiếp tân, khánh tiết liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh): 5 tỷ đồng.
- Vậy tổng chi phí được trừ bao gồm cả chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại hoa hồng môi giới; chi tiếp tân, khánh tiết khi xác định thu nhập chịu thuế trong năm 2009 là bao nhiêu?
- a. 5,4 tỷ đồng.
 - b. 5,5 tỷ đồng.

c. 5,6 tỷ đồng.

Câu 149. Doanh nghiệp Việt Nam C có một khoản thu nhập 850 triệu đồng từ dự án đầu tư tại nước ngoài. Khoản thu nhập này là thu nhập sau khi đã nộp thuế thu nhập theo Luật của nước ngoài. Số thuế thu nhập phải nộp tính theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp của nước ngoài là 250 triệu đồng. Trường hợp này doanh nghiệp VN C sẽ phải nộp thêm thuế TNDN tại Việt Nam là bao nhiêu?

- a. Không phải nộp thêm thuế TNDN
- b. 20 triệu đồng
- c. 25 triệu đồng

Câu 150. Năm 2009, doanh nghiệp A có số liệu như sau:

- Thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm là 200 triệu đồng
- Thu nhập từ hoạt động cho thuê văn phòng là 120 triệu đồng
- Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán là 300 triệu đồng.

Trường hợp này DN A trong năm 2009 sẽ phải nộp thuế TNDN là bao nhiêu biết rằng thu nhập của hoạt động sản xuất phần mềm của doanh nghiệp A đang được miễn thuế TNDN.

- a. 125 triệu đồng.
- b. 155 triệu đồng.
- c. 105 triệu đồng.
- d. Không phải nộp thuế.

Câu 151. Năm 2009, doanh nghiệp B có số liệu như sau:

- Thu nhập từ hoạt động sản xuất đồ chơi cho trẻ em: 200 triệu đồng.
- Thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng: 50 triệu đồng.
- Thu nhập từ hoạt động cho thuê máy móc, thiết bị: 90 triệu đồng.

Trường hợp này DN B trong năm 2009 sẽ phải nộp thuế TNDN là bao nhiêu biết rằng hoạt động sản xuất đồ chơi trẻ em của doanh nghiệp B được hưởng ưu đãi thuế TNDN (thuế suất 15% và DN B năm 2009 đang được giảm 50% thuế TNDN đối với hoạt động sản xuất đồ chơi trẻ em).

- a. 85 triệu đồng
- b. 50 triệu đồng
- c. 65 triệu đồng.

Câu 152. Doanh nghiệp A thuê tài sản cố định của Doanh nghiệp B trong 4 năm với số tiền thuê là 800 triệu đồng, Doanh nghiệp A đã thanh toán một lần cho Doanh nghiệp B đủ 800 triệu đồng. Trường hợp này Doanh nghiệp A được tính vào chi phí được trừ tiền thuê tài sản cố định hàng năm là bao nhiêu?

- a. 200 triệu đồng.
- b. 800 triệu đồng.
- c. Tùy doanh nghiệp được phép lựa chọn

Câu 153. Thế nào là cá nhân cư trú ?

- a. Có mặt tại VN từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc tính theo 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại VN;
- b. Có nơi ở thường xuyên tại VN, bao gồm có nơi ở đăng ký thường trú hoặc có nhà thuê để ở tại VN theo hợp đồng thuê có thời hạn;
- c. Đáp ứng một trong hai điều kiện trên;
- d. Tất cả các điều kiện trên.

Câu 154. Các khoản thu nhập sau đây, khoản thu nhập nào thuộc thu nhập chịu thuế của cá nhân cư trú:

- a. Thu nhập từ tiền lương, tiền công;
- b. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn;
- c. Thu nhập từ bản quyền;
- d. Tất cả các khoản thu nhập trên.

Câu 155. Các khoản thu nhập sau đây, khoản thu nhập nào thuộc thu nhập chịu thuế của cá nhân cư trú:

- Thu nhập từ kinh doanh;
- Thu nhập từ thừa kế;
- Thu nhập từ đầu tư vốn;
- Tất cả các khoản thu nhập trên.

Câu 156. Các khoản thu nhập sau đây, khoản thu nhập nào thuộc thu nhập được miễn thuế:

- Phần tiền lương làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với phần tiền lương làm việc ban ngày, làm trong giờ theo quy định của pháp luật;
- Tiền lương hưu do Bảo hiểm xã hội chi trả;
- Thu nhập từ học bổng;
- Tất cả các khoản thu nhập trên;

Câu 157. Các khoản thu nhập sau đây, khoản thu nhập nào thuộc thu nhập được miễn thuế:

- Thu nhập từ bồi thường hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, tiền bồi thường tai nạn lao động, khoản bồi thường nhà nước và các khoản bồi thường khác theo quy định của pháp luật;
- Thu nhập nhận được từ quỹ từ thiện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hoặc công nhận, hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo, không nhằm mục đích lợi nhuận;
- Thu nhập nhận được từ nguồn viện trợ nước ngoài vì mục đích từ thiện, nhân đạo dưới hình thức chính phủ và phi chính phủ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
- Tất cả các khoản thu nhập trên;

Câu 158. Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ tiền lương, tiền công được quy định:

- Theo năm;
- Theo quý;
- Theo tháng;

Câu 159. Kỳ tính thuế áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn, trừ thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ trúng thưởng; thu nhập từ bản quyền; thu nhập từ nhượng quyền thương mại; thu nhập từ thừa kế; thu nhập từ quà tặng được quy định thế nào?

- Theo từng lần phát sinh thu nhập;
- Theo năm;
- Theo quý;
- Theo tháng;

Câu 160. Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú:

- Từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế
- Theo năm;
- Theo quý;
- Theo tháng;

Câu 161. Cá nhân được hoàn thuế trong trường hợp nào:

- Số tiền thuế đã nộp lớn hơn số thuế phải nộp;
- Cá nhân đã nộp thuế nhưng có thu nhập tính thuế chưa đến mức phải nộp thuế;
- Các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Tất cả các trường hợp trên;

Câu 162. Cá nhân được giảm trừ những khoản nào sau đây khi xác định thu nhập tính thuế:

- Các khoản giảm trừ gia cảnh;
- Các khoản đóng góp bảo hiểm bắt buộc;

- c. Các khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học;
- d. Tất cả các khoản trên.

Câu 163. Những khoản thu nhập chịu thuế nào được trừ 10 triệu đồng trước khi tính thuế:

- a. Thu nhập chịu thuế từ trúng thưởng;
- b. Thu nhập chịu thuế từ bản quyền;
- c. Thu nhập chịu thuế từ nhượng quyền thương mại;
- d. Thu nhập chịu thuế từ thừa kế, quà tặng;
- e. Tất cả các khoản thu nhập trên;

Câu 164. Thuế suất đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công đối với cá nhân không cư trú:

- a) 10%
- b) 15%
- c) 20%
- d) 30%

Câu 165. Những trường hợp nào thì con của đối tượng nộp thuế được xác định là người phụ thuộc được tính giảm trừ gia cảnh ?

- a. Con dưới 18 tuổi;
- b. Con trên 18 tuổi nhưng bị tàn tật, không có khả năng lao động;
- c. Con đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, không có thu nhập hoặc có thu nhập nhưng không vượt quá mức quy định (mức thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 500.000 đồng).
- d. Tất cả các trường hợp trên;

Câu 166. Trường hợp nhiều người cùng tham gia kinh doanh trong một đăng ký kinh doanh thì thu nhập chịu thuế của mỗi người được xác định theo nguyên tắc nào:

- a. Tính theo tỷ lệ vốn góp của từng cá nhân ghi trong đăng ký kinh doanh;
- b. Tính theo thỏa thuận giữa các cá nhân ghi trong đăng ký kinh doanh;
- c. Tính bằng số bình quân thu nhập đầu người trong trường hợp đăng ký kinh doanh không xác định tỷ lệ vốn góp hoặc không có thỏa thuận về phân chia thu nhập giữa các cá nhân;
- d. Một trong các nguyên tắc trên.

Câu 167. Thu nhập nào thuộc thu nhập từ đầu tư vốn:

- a. Tiền lãi cho vay;
- b. Lợi tức cổ phần;
- c. Thu nhập từ đầu tư vốn dưới các hình thức khác, trừ thu nhập từ trái phiếu Chính phủ;
- d. Tất cả các khoản thu nhập trên;

Câu 168. Thu nhập nào thuộc thu nhập được miễn thuế:

- a. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản giữa vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh, chị, em ruột với nhau.
- b. Thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở của cá nhân trong trường hợp cá nhân chỉ có một nhà ở, đất ở duy nhất.
- c. Thu nhập từ giá trị quyền sử dụng đất của cá nhân được Nhà nước giao đất;
- d. Tất cả các khoản thu nhập trên;

Câu 169. Thu nhập nào thuộc thu nhập được miễn thuế?

- a. Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản giữa vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh, chị, em ruột với nhau.
- b. Thu nhập của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng,

- đánh bắt thủy sản chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường.
- c. Thu nhập từ chuyển đổi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao để sản xuất.
 - d. Tất cả các khoản thu nhập trên;

Câu 170. Thu nhập nào được miễn thuế TNCN?

- a. Thu nhập từ đầu tư vốn;
- b. Thu nhập từ lãi tiền gửi tại tổ chức tín dụng, lãi từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ;
- c. Thu nhập từ trúng thưởng;
- d. Thu nhập từ bản quyền;

Câu 171. Thu nhập nào được miễn thuế TNCN?

- a. Thu nhập từ nhượng quyền thương mại;
- b. Thu nhập từ nhận thừa kế là chứng khoán, phần vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh, bất động sản và tài sản khác phải đăng ký sở hữu hoặc đăng ký sử dụng;
- c. Thu nhập từ kiều hối;
- d. Thu nhập từ tiền lương, tiền công;

Câu 172. Thu nhập nào được miễn thuế TNCN?

- a. Thu nhập từ tiền lương, tiền công;
- b. Tiền lương hưu do Bảo hiểm xã hội chi trả;
- c. Thu nhập từ nhượng quyền thương mại;
- d. Thu nhập từ nhận quà tặng là chứng khoán, phần vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh, bất động sản và tài sản khác phải đăng ký sở hữu hoặc đăng ký sử dụng;

Câu 173. Trường hợp nào thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản được miễn thuế

- a. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản giữa vợ với chồng.
- b. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản giữa cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể.
- c. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản giữa ông nội, bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh, chị, em ruột với nhau.
- d. Tất cả các khoản thu nhập trên;

Câu 174. Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản tại Việt Nam của cá nhân không cư trú được xác định bằng bao nhiêu % trên giá chuyển nhượng?

- a. 1%
- b. 2%
- c. 3%

Câu 175. Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn vào tổ chức cá nhân tại Việt Nam của cá nhân không cư trú ?

- a. 1%
- b. 2%
- c. 3%
- d. 5%

Câu 176. Quy định về giảm trừ gia cảnh được thực hiện :

- a. Với người nộp thuế là 4 triệu đồng/tháng, 48 triệu đồng/năm.
- b. Với người phụ thuộc là 19,2 triệu đồng /năm.
- c. Mỗi người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ 1 lần vào một người nộp thuế.
- d. Câu a và b
- e. Câu a và c

Câu 177. Luật thuế TNCN quy định, đối tượng nộp thuế TNCN là:

- a. Cá nhân cư trú có thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam và nước ngoài
- b. Cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam.
- c. Cả a và b
- d. Không phải các trường hợp trên

Câu 178. Theo quy định hiện hành thì:

- a. Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công thuộc diện phải nộp thuế TNCN theo quy định của Luật thuế TNCN.
- b. Hộ gia đình, cá nhân có thu nhập từ kinh doanh thuộc diện phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế TNDN.
- c. Cá nhân có thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất phải nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của luật thuế chuyển quyền sử dụng đất.
- d. a và b
- e. a và c

Câu 179. Thu nhập chịu thuế TNCN từ đầu tư vốn không bao gồm:

- a. Lợi tức cổ phần
- b. Lãi tiền cho vay
- c. Lãi từ chuyển nhượng chứng khoán
- d. Cả a, b và c

Câu 180. Thu nhập chịu thuế TNCN từ chuyển nhượng bất động sản là:

- a. Thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất
- b. Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sở hữu, sử dụng nhà ở
- c. Thu nhập từ chuyển quyền thuê đất, thuê mặt nước mà Nhà nước cho thuê.
- d. Cả a,b và c

Câu 181. Thu nhập chịu thuế TNCN từ trúng thưởng là:

- a. Thu nhập từ trúng thưởng trong các hình thức khuyến mại của các doanh nghiệp có đăng ký trước hoạt động khuyến mại với cơ quan quản lý nhà nước về thương mại.
- b. Thu nhập từ trúng thưởng trong các hình thức cá cược, casino.
- c. Trúng thưởng trong các trò chơi, cuộc thi có thưởng.
- d. Cả a,b và c

Câu 182. Thu nhập chịu thuế TNCN từ bản quyền là :

- a. Thu nhập từ bản quyền tác giả, tác phẩm văn học, âm nhạc
- b. Thu nhập từ chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu thương mại.
- c. Thu nhập từ hoạt động chuyển giao công nghệ.
- d. Cả a,b và c

Câu 183. Thu nhập không thuộc diện chịu thuế TNCN:

- a. Thu nhập từ thừa kế, quà tặng là bất động sản
- b. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản giữa vợ với chồng, cha mẹ với con cái, ông bà nội ngoại với cháu ruột.
- c. Tiền thưởng kèm theo danh hiệu được Nhà nước phong tặng như: Anh hùng LLVTND, Anh hùng Lao động, Nhà giáo nhân dân...
- d. Cả a, b và c

Câu 184. Người nộp thuế TNCN gặp thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo thì theo quy định:

- a. Được miễn thuế TNCN phải nộp tương ứng với mức độ thiệt hại.

- b. Được xét giảm thuế TNCN tương ứng với mức độ thiệt hại, số thuế được giảm không vượt quá số thuế phải nộp
- c. Được xét giảm thuế TNCN tương ứng với mức độ thiệt hại, số thuế được giảm không vượt quá số thuế phải nộp.
- d. Không câu trả lời nào trên là đúng.

Câu 185. Kỳ tính thuế TNCN với cá nhân cư trú được quy định :

- a. Kỳ tính thuế theo quý áp dụng với thu nhập từ kinh doanh
- b. Kỳ tính thuế theo năm áp dụng với thu nhập từ kinh doanh; thu nhập từ tiền lương, tiền công.
- c. Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh áp dụng với thu nhập từ trúng thưởng, thừa kế, quà tặng.
- d. Câu b và c
- e. Cả a, b và c

Câu 186. Cá nhân được hoàn thuế TNCN trong trường hợp:

- a. Có số thuế đã nộp lớn hơn số thuế phải nộp
- b. Đã nộp thuế nhưng có thu nhập tính thuế chưa tới mức phải nộp thuế
- c. Các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền
- d. Cả a,b và c

Câu 187. Theo quy định của Luật thuế TNCN, thu nhập chịu thuế TNCN từ kinh doanh của cá nhân cư trú được xác định:

- a. Doanh thu trừ(-) các khoản chi phí hợp lý liên quan đến việc tạo ra thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế
- b. Doanh thu trừ(-) các khoản chi phí hợp lý liên quan đến việc tạo ra thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế trừ(-) Các khoản giảm trừ gia cảnh.
- c. Không phải các phương án trên

Câu 188. Thu nhập chịu thuế TNCN từ bản quyền là:

- a. Là toàn bộ phần thu nhập nhận được khi chuyển giao, chuyển quyền sử dụng các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ theo từng hợp đồng.
- b. Là thu nhập nhận được khi chuyển giao, chuyển quyền sử dụng các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ có giá trị từ 10 triệu đồng trở lên theo từng hợp đồng.
- c. Là phần thu nhập vượt trên 10 triệu đồng nhận được khi chuyển giao, chuyển quyền sử dụng các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ theo từng hợp đồng.
- d. Không phải theo các phương án trên

Câu 189. Thu nhập chịu thuế TNCN từ thừa kế, quà tặng được xác định:

- a. Là toàn bộ giá trị tài sản thừa kế, quà tặng nhận được theo từng lần phát sinh
- b. Là phần giá trị của tài sản thừa kế, quà tặng từ 10 triệu đồng trở lên theo từng lần phát sinh
- c. Là phần giá trị tài sản thừa kế, quà tặng vượt trên 10 triệu đồng nhận được theo từng lần phát sinh.
- d. Không phải theo các phương án trên.

Câu 190. Theo quy định của Luật thuế TNCN, người phụ thuộc của người nộp thuế không bao gồm:

- a. Con chưa thành niên; con bị tàn tật, không có khả năng lao động.
- b. Con thành niên đang theo học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hoặc học nghề.
- c. Bố mẹ trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động nhưng không có thu nhập.
- d. Câu a và b
- e. Câu b và c

Câu 191. Luật thuế TNCN quy định, các khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, nhân đạo, quỹ khuyến học:

- a. Được trừ vào tất cả các loại thu nhập của cá nhân cư trú trước khi tính thuế
- b. Được trừ vào thu nhập từ tiền lương, tiền công, từ kinh doanh của cá nhân cư trú trước khi tính thuế
- c. Chỉ được trừ vào thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú trước khi tính thuế.

- d. Câu a và c
- e. Câu b và c

Câu 192. Thuế TNCN đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú được xác định :

- a. Doanh thu nhân (x) thuế suất thuế TNCN tương ứng với từng lĩnh vực, ngành nghề theo quy định.
- b. [Doanh thu trừ(-) Các khoản chi phí hợp lý] nhân(x) thuế suất thuế TNCN tương ứng với từng lĩnh vực, ngành nghề.
- c. [Doanh thu trừ(-) Các khoản chi phí hợp lý trừ(-) Các khoản giảm trừ gia cảnh] nhân(x) thuế suất thuế TNCN tương ứng với từng lĩnh vực, ngành nghề.
- d. Không câu trả lời nào trên là đúng

Câu 193. Thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định :

- a. Thu nhập chịu thuế nhân (x) biểu thuế suất lũy tiến từng phần
- b. Thu nhập chịu thuế nhân(x) thuế suất 20%
- c. [Thu nhập chịu thuế trừ(-) Giảm trừ gia cảnh] nhân(x) thuế suất 20%
- d. [Thu nhập chịu thuế trừ(-) Giảm trừ gia cảnh trừ(-) Các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo] nhân (x) thuế suất 20%

Câu 194. Một gia đình có 2 con nhỏ và một mẹ già không có thu nhập. Thu nhập của người chồng là 17triệu đồng/tháng. Thu nhập của người vợ bị tàn tật là 450.000đồng/tháng. Thu nhập tính thuế bình quân một tháng là bao nhiêu?

- a. 5.500.000 đồng
- b. 6.200.000 đồng
- c. 6.500.000 đồng
- d. 6.600.000 đồng

Câu 195. Chị M là cá nhân kinh doanh chưa thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn chứng từ. Trong năm, chị M có doanh thu từ hoạt động kinh doanh 500 triệu đồng, chi phí liên quan tới hoạt động kinh doanh là 432 triệu đồng. Tỷ lệ thu nhập chịu thuế trên doanh thu do cơ quan thuế quy định tại địa phương với hoạt động kinh doanh của chị M là 5%. Chị M không có người phụ thuộc và không có khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo nào trong năm. Thuế TNCN chị M phải nộp trong năm là:

- a. 1 triệu đồng
- b. 25 triệu đồng
- c. Số khác
- d. Không phải nộp thuế

Câu 196. Cá nhân C là đối tượng cư trú đồng sở hữu 2 căn hộ. Tháng 8/2009 anh C quyết định bán cả 2 căn hộ với giá 800 trđ và 750 trđ mỗi căn. Anh C không còn giấy tờ mua 2 căn hộ nên không xác định được giá vốn của 2 căn hộ này. Thuế thu nhập cá nhân do bán 2 căn hộ này được xác định như thế nào?

- a. 23.000.000 đồng
- b. 27.500.000 đồng
- c. 31.000.000 đồng
- d. 30.000.000 đồng

Câu 197. Ông B bán 500 cổ phiếu với giá bán là 25,000 đồng/cổ phiếu, giá mua 8,500 đồng/cổ phiếu, chi phí liên quan cho việc bán 500 cổ phiếu này là 750,000 đồng (các chứng từ mua, bán và chi phí hợp lý). Thuế TNCN ông B phải nộp là bao nhiêu?

- a. 1.500.000 đồng
- b. 1.750.000 đồng
- c. 1.950.000 đồng
- d. 2.200.000 đồng

Câu 198. Chị C được ông B tặng một chiếc xe máy trị giá 25 triệu đồng. số thuế TNCN chị C phải nộp là bao nhiêu?

- a. 1.200.000 đồng
- b. 1.500.000 đồng
- c. 1.750.000 đồng
- d. 2.100.000 đồng

Câu 199. Bà Jolie sang Việt Nam giảng dạy từ tháng 3/2009 đến tháng 6/2009. Tháng 3/2009 Bà nhận được khoản lương là 2,500USD thì thuế TNCN của Bà phải nộp là bao nhiêu với tỷ giá 1USD = 17.000 VN đồng? (giả thiết Bà Jolie không phải đóng góp các khoản BHXH, BHYT bắt buộc và không có khoản đóng góp từ thiện nhân đạo nào)

- a. 7.500.000 đồng
- b. 8.200.000 đồng
- c. 8.500.000 đồng
- d. 8.000.000 đồng

Câu 200. ông Henmus trong 2 tuần du lịch tại Việt Nam đã trúng thưởng xổ số 300 tr đồng. Thuế TNCN ông Henmus phải nộp là bao nhiêu?

- a. 29.000.000 đồng
- b. 30.000.000 đồng
- c. 31.000.000 đồng
- d. 32.000.000 đồng

Câu 201. Ông X là cá nhân không cư trú theo Luật thuế TNCN, trong tháng 9 năm 2009 ông có thu nhập từ tiền công do doanh nghiệp tại Việt Nam chi trả là 10 triệu đồng. Ông X phải nuôi 2 con nhỏ và không có khoản đóng góp từ thiện nhân đạo nào.

Số thuế TNCN trong tháng 9 năm 2009 ông X phải nộp là:

- a. 140.000 đồng
- b. 350.000 đồng
- c. 750.000 đồng
- d. Số khác

Câu 202. Bà M là cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương hàng tháng là 10 triệu đồng và không có khoản thu nhập nào khác trong năm. Bà phải nuôi 01 con nhỏ dưới 10 tuổi và không có khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo nào trong năm. Số thuế TNCN bà M phải nộp trong năm là :

- a. 9 triệu đồng
- b. 4,2 triệu đồng
- c. 2,64 triệu đồng
- d. 750 nghìn đồng

Câu 203. Ông A có thu nhập từ bản quyền tác giả do nhà xuất bản trả một lần là 120 triệu đồng. Ông A trích 10 triệu đồng ủng hộ quỹ nạn nhân chất độc da cam dioxin. Thuế TNCN ông A phải nộp với thu nhập từ bản quyền là :

- a. 6 triệu đồng
- b. 5,5 triệu đồng
- c. 5 triệu đồng
- d. Số khác

Câu 204. Ông T trong năm 2009 chỉ có duy nhất nguồn thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán niêm yết với tổng giá trị chuyển nhượng là 1000 triệu đồng. Theo kê khai của ông C thì giá mua loại chứng khoán đã

chuyển nhượng trước khi niêm yết là 900 triệu đồng nhưng không có chứng từ chứng minh. Thuế TNCN ông C phải nộp trong năm 2009 là :

- a. 200 triệu đồng
- b. 20 triệu đồng
- c. 1 triệu đồng
- d. Số khác

Câu 205. Ông J là cá nhân không cư trú theo quy định của pháp luật thuế Việt Nam. Trong năm 2009, ông J có doanh thu từ hoạt động kinh doanh hàng hoá tại Việt Nam là 2000 triệu đồng. Tổng chi phí hợp lý được trừ với hoạt động kinh doanh trên là 1800 triệu đồng. Ông J không có người phụ thuộc và không có khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo nào trên lãnh thổ Việt Nam trong năm.

Thuế TNCN ông J phải nộp trong năm 2009 là :

- a. 1,52 triệu đồng
- b. 2 triệu đồng
- c. 20 triệu đồng
- d. Số khác

Bài 206. Trong năm, Anh H có thu nhập từ tiền lương là 4,5 triệu đồng / tháng (sau khi trừ BHXH, BHYT) và tổng tiền thưởng nhân ngày 30/4, 1/5, 2/9 trong năm là 5 triệu đồng. Anh H không có người phụ thuộc và không có khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo nào trong năm, thuế TNCN anh H phải nộp là :

- a. 550.000 đồng
- b. 300.000 đồng
- c. Số khác
- d. Không phải nộp thuế

Câu 207. Căn cứ tính thuế tài nguyên là gì?

- a. Sản lượng tài nguyên thương phẩm khai thác, giá tính thuế và thuế suất
- b. Sản lượng tài nguyên thương phẩm khai thác và giá tính thuế
- c. Sản lượng tài nguyên thương phẩm khai thác và thuế suất.

Câu 208. Giá tính thuế tài nguyên là:

- a. Giá bán của một đơn vị tài nguyên tại nơi khai thác.
- b. Giá bán của một đơn vị tài nguyên bao gồm cả thuế giá trị gia tăng
- c. Giá bán của một đơn vị tài nguyên theo giá thị trường

Câu 209. Trong những hàng hóa sau đây, hàng hóa nào là đối tượng chịu thuế tài nguyên?

- a. Thiết bị lọc dầu
- b. Dầu mỏ
- c. Ô tô chạy dầu

Câu 210. Trong những hàng hóa sau đây, hàng hóa nào không là đối tượng chịu thuế tài nguyên?

- a. Vàng
- b. Bạc
- c. Vàng mã

Câu 211: Đối tượng chịu thuế tài nguyên bao gồm:

- a. Tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân tạo
- b. Tài nguyên thiên nhiên dưới lòng đất
- c. Tài nguyên thiên nhiên trong phạm vi đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam
- d. Khoáng sản và dầu thô, khí thiên nhiên, khí than

Câu 212: Đối tượng nộp thuế tài nguyên:

- a. Doanh nghiệp, hộ gia đình kinh doanh khai thác có khai thác tài nguyên.
- b. Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên
- c. Tổ chức, cá nhân kinh doanh tài nguyên
- d. Cá nhân, hộ gia đình kinh doanh có khai thác tài nguyên.

Câu 213: Việt Nam góp vốn pháp định bằng các nguồn tài nguyên thành lập doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài thì:

- a. Doanh nghiệp liên doanh phải nộp thuế tài nguyên.
- b. Bên Việt Nam sử dụng tài nguyên góp vốn phải nộp thuế tài nguyên
- c. Tùy theo thỏa thuận của các bên trong liên doanh
- d. Bên Việt Nam và bên nước ngoài đều phải kê khai nộp thuế tài nguyên theo vốn góp

Câu 214. Giá tính thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện là:

- a. Giá bán nước dùng sản xuất thủy điện
- b. Giá bán điện thương phẩm cho người tiêu dùng
- c. Giá bán điện thương phẩm tại nhà máy thủy điện
- d. Gồm các trường hợp tại điểm a, điểm c

Câu 215. Việc đăng ký, khai thuế, quyết toán thuế, nộp thuế, ấn định thuế tài nguyên được thực hiện theo quy định.

- a. Pháp lệnh thuế tài nguyên
- b. Luật Dầu khí, Luật Khoáng sản
- c. Luật Quản lý thuế
- d. Tất cả các trường hợp trên.

Câu 216: Trong hệ thống thuế nhà nước hiện hành, các khoản thu về đất đai là những khoản thu sau:

- a. Thuế sử dụng đất nông nghiệp; Thuế nhà đất;
- b. Thuế sử dụng đất nông nghiệp ; Thuế nhà đất; Tiền sử dụng đất;
- c. Thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN); Thuế nhà đất; Tiền sử dụng đất; Tiền thuê đất, thuê mặt nước
- d. Thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN); Thuế nhà đất; Tiền sử dụng đất; Tiền thuê đất, thuê mặt nước, Lệ phí trước bạ.

Câu 217: Đối tượng phải nộp tiền sử dụng đất (SDĐ) là:

- a. Người được Nhà nước giao đất theo diện thu tiền SDĐ;
- b. Người đang sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;
- c. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở mà đất đó được sử dụng từ ngày 15/10/1993 đến thời điểm cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, chưa nộp tiền sử dụng đất, nay được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ.
- d. Cả 3 trường hợp trên.

Câu 218: Căn cứ tính thu tiền SDĐ là:

- a. Diện tích đất được nhà nước giao, được phép chuyển mục đích, được cấp GCN QSDĐ.
- b. Giá đất
- c. Thời hạn sử dụng đất:
- d. Cả 3 phương án trên

Câu 219: Đơn giá thuê đất, thuê mặt nước của mỗi dự án được điều chỉnh:

- a. Hàng năm;
- b. Sau 3 năm
- c. Sau 5 năm
- d. Sau 10 năm

Câu 220: Tiền thuê đất, thuê mặt nước được thu kể từ ngày:

- a. Ngày ghi trên quyết định cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền;
- b. Ngày ký Hợp đồng thuê đất
- c. Ngày nhận được Thông báo thu tiền thuê đất của cơ quan Thuế.

Câu 221: Đối tượng chịu thuế nhà đất là:

- a. Đất ở thuộc khu dân cư ở các thành thị và nông thôn
- b. Đất xây dựng công trình và các khoảnh đất phụ thuộc (diện tích ao hồ, trồng cây) bao quanh công trình kiến trúc
- c. Cả 2 phương án trên

Câu 222: Hạng đất làm căn cứ tính thuế sử dụng đất nông nghiệp được ổn định trong thời gian:

- a. 3 năm
- b. 5 năm
- c. 10 năm
- d. 15 năm

Câu 223. Tổ chức, cá nhân phải nộp tiền sử dụng đất nếu:

- a. Được nhà nước giao đất để ở hoặc xây nhà ở để bán hoặc cho thuê
- b. Được nhà nước cho thuê đất để sản xuất kinh doanh
- c. Được nhà nước giao đất, cho thuê đất để xây dựng công trình công cộng vì mục đích kinh doanh.
- d. Không câu trả lời nào trên

Câu 224. Căn cứ tính thu tiền sử dụng đất trong trường hợp giao đất sử dụng làm nhà ở là:

- a. Diện tích đất thu tiền sử dụng đất
- b. Giá đất tính thu tiền sử dụng đất
- c. Thời hạn sử dụng đất
- d. Câu a và b
- e. Câu a,b và c

Câu 225. Theo quy định hiện hành, các cá nhân sau không phải nộp thuế nhà đất mà nộp các loại thuế, khoản thu khác:

- a. Cá nhân sở hữu nhà chung cư.
- b. Cá nhân có quyền sử dụng đất ở hợp pháp nhưng không sử dụng làm nhà ở, xây dựng công trình trên đất.
- c. Cá nhân sử dụng đất ở nhưng không có quyền sử dụng đất ở hợp pháp
- d. Cá nhân sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích xây dựng nhà ở.
- e. Cả a,b,c và d

Câu 226. Căn cứ tính thuế nhà đất là:

- a. Diện tích đất, giá đất do UBND cấp tỉnh quy định và thuế suất thuế nhà đất
- b. Diện tích đất, hạng đất và thuế suất thuế nhà đất tương ứng với hạng đất
- c. Diện tích đất, hạng đất và mức thuế đất
- d. Không phải các phương án trên

Câu 227. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước nếu:

- a. Được nhà nước giao đất để xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh
- b. Được nhà nước cho thuê đất, thuê mặt nước để sản xuất kinh doanh
- c. Được nhà nước giao đất để xây dựng kết cấu hạ tầng để cho thuê
- d. Câu a,b và c

Câu 228. Người nộp thuế phải kê khai, nộp lệ phí trước bạ vào thời điểm:

- a. Bất cứ lúc nào

- b. Trước khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.
- c. Sau khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản

Câu 229. Pháp lệnh phí và lệ phí điều chỉnh đối với loại phí nào trong các loại phí sau đây:

- a. Phí bảo hiểm trách nhiệm dân sự tự nguyện của chủ xe cơ giới.
- b. Phí thanh toán của tổ chức tín dụng.
- c. Niên liễm thu theo điều lệ của câu lạc bộ.
- d. Phí thi hành án.

Câu 230. Phần tiền phí, lệ phí nộp vào NSNN được phân chia cho các cấp ngân sách và được quản lý, sử dụng theo quy định nào dưới đây:

- a. Quy định của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
- b. Quy định của cơ quan thuế địa phương.
- c. Quy định của Luật Ngân sách nhà nước
- d. Quy định của tổ chức, cá nhân thu phí, lệ phí.

Câu 231. Tổ chức, cá nhân được thu phí, lệ phí :

- a. Cơ quan thuế nhà nước
- b. Cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân cung cấp dịch vụ, thực hiện công việc mà pháp luật quy định được thu phí, lệ phí
- c. Tổ chức và cá nhân cung cấp dịch vụ, thực hiện công việc mà pháp luật quy định được thu phí, lệ phí.
- d. Tất cả các phương án trên.

Câu 232. Trường hợp nào sau đây không phải nộp lệ phí trước bạ :

- a. Nhà, đất là trụ sở của cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự và nhà ở của người đứng đầu cơ quan lãnh sự của nước ngoài tại Việt Nam
- b. Đất thuê của Nhà nước hoặc thuê của tổ chức, cá nhân đã có quyền sử dụng đất hợp pháp.
- c. Tài sản được chia hay góp do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, đổi tên tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
- d. Tất cả các phương án trên

Câu 233. Số tiền lệ phí trước bạ phải nộp được xác định :

- a. Giá tính lệ phí trước bạ cộng (+) mức thu lệ phí trước bạ
- b. Giá tính lệ phí trước bạ nhân (x) tỷ lệ (%) lệ phí trước bạ
- c. Giá kê khai của người đến nộp lệ phí trước bạ nhân (x) tỷ lệ (%) lệ phí trước bạ
- d. Giá trị tài sản do cơ quan thuế xác định nhân (x) tỷ lệ (%) ấn định

Câu 234. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là ngày thứ bao nhiêu của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế đối với loại thuế khai và nộp theo tháng?

- a. Ngày 10
- b. Ngày 15
- c. Ngày 20

Câu 235. Hồ sơ khai thuế tháng gồm các tài liệu :

- a. Tờ khai thuế tháng
- b. Bảng kê hoá đơn hàng hoá, dịch vụ bán ra
- c. Bảng kê hoá đơn hàng hoá, dịch vụ mua vào
- d. Các tài liệu khác có liên quan đến số thuế phải nộp
- e. Tất cả các phương án trên

Câu 236. Doanh nghiệp X là đơn vị mới thành lập, có đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế tháng của doanh nghiệp trên là:

- a. Chậm nhất là ngày thứ 10 của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế

- b. Chậm nhất là ngày thứ 15 của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế
- c. Chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế

Câu 237. Việc khai thuế, khai các khoản thu thuộc NSNN về đất đai theo năm được áp dụng với loại thuế nào?

- a. Thuế nhà, đất
- b. Thuế sử dụng đất nông nghiệp
- c. Tiền thuê đất, thuế mặt nước
- d. Cả 3 trường hợp trên

Câu 238. Bà X mở một cửa hàng bán điện thoại di động, không thực hiện đầy đủ chế độ hoá đơn chứng từ sổ sách. Trường hợp của Bà X phải nộp thuế theo phương pháp:

- a. Phương pháp kê khai trực tiếp
- b. Phương pháp kê khai khấu trừ
- c. Phương pháp khoán thuế

Câu 239. Người nộp thuế có thể nộp tiền thuế, tiền phạt vào Ngân sách nhà nước tại:

- a. Kho bạc Nhà nước;
- b. Cơ quan thuế nơi tiếp nhận hồ sơ khai thuế;
- c. Tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế uỷ nhiệm thu thuế;
- d. Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác và tổ chức dịch vụ theo quy định của pháp luật.
- e. Cả 4 phương án trên.

Câu 240 Thời điểm nào được xem là người nộp thuế đã thực hiện nộp tiền thuế, tiền phạt vào Ngân sách nhà nước:

- a. Ngày Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng, tổ chức tín dụng xác nhận trên Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước bằng chuyển khoản trong trường hợp nộp thuế bằng chuyển khoản.
- b. Ngày cơ quan thuế hoặc tổ chức, cá nhân được uỷ nhiệm thu thuế cấp chứng từ thu tiền thuế bằng tiền mặt trong trường hợp nộp thuế bằng tiền mặt.
- c. Ngày Kho bạc Nhà nước xác nhận trên chứng từ thu tiền thuế bằng tiền mặt trong trường hợp nộp thuế bằng tiền mặt.
- d. Cả 3 phương án trên.

Câu 241. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được ban hành để thay thế cho luật thuế nào trước đây:

- a) Luật thuế doanh nghiệp
- b) Luật thuế doanh thu
- c) Luật thuế lợi tức
- d) Luật thuế kinh doanh

Câu 242. Thuế gián thu là các loại thuế sau:

- a) Thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân
- b) Thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhà đất
- c) Thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt
- d) Thuế thu nhập cá nhân, thuế môn bài, thuế tài nguyên

Câu 243. Thuế tiêu thụ đặc biệt được thu như thế nào?

- a) Thu một lần ở khâu bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ
- b) Thu một lần ở khâu sản xuất hoặc nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ
- c) Không thu ở khâu sản xuất mà thu ở khâu lưu thông tiếp theo
- d) Thu vào hàng hóa, dịch vụ ở cả khâu sản xuất và lưu thông

Câu 244. Dựa vào tiêu thức nào dưới đây để phân loại thuế thành thuế trực thu và thuế gián thu:

- a) Theo đối tượng chịu thuế
- b) Theo phương thức đánh thuế
- c) Theo khả năng nộp thuế
- d) Theo phương pháp tính thuế

Câu 245. Thuế giá trị gia tăng là sắc thuế thuộc loại:

- a) Thuế gián thu
- b) Thuế tiêu dùng
- c) Thuế trực thu
- d) Cả a và b

Câu 246. Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là:

- a) Thu nhập chịu thuế và thuế suất
- b) Thu nhập tính thuế và thuế suất
- c) Thu nhập doanh nghiệp và thuế suất
- d) Tùy trường hợp để xác định

Câu 247. Doanh thu tính thuế GTGT đầu ra theo phương pháp trực tiếp là doanh thu như thế nào:

- a) Là doanh thu có thuế GTGT do người mua thanh toán
- b) Là doanh thu chưa có thuế GTGT do người mua thanh toán
- c) Cả a và b
- d) Là doanh thu có thuế GTGT bao gồm cả phụ thu, phụ phí mà người mua phải thanh toán

Câu 248. Một công ty nhập 1.200 tủ lạnh. Giá mua tại cửa khẩu nước xuất là 200USD/cái. Chi phí vận tải, bảo hiểm cho lô hàng là 5.000USD. Tỷ giá 15.700VND/USD. Thuế suất thuế nhập khẩu tủ lạnh là 20%. Xác định thuế nhập khẩu phải nộp của lô hàng trên

- a) 569.300.000đ
- b) 253.600.000đ
- c) 753.600.000đ
- d) 769.300.000đ

Câu 249. Một công ty nhập khẩu một lô hàng điện, giá CIF bằng 200.000.000đ, doanh nghiệp đã thu toàn bộ lô hàng trên trong kỳ với doanh thu 300.000.000đ. Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp mà công ty phải nộp biết thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%, thuế nhập khẩu là 10%, thuế thu nhập doanh nghiệp là 28% (không lấy số lẻ)

- a) 16.000.000đ
- b) 22.000.000đ
- c) 20.000.000đ
- d) 14.000.000đ

Câu 250. Khi nào thuế giá trị gia tăng (GTGT) đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua để sản xuất hàng hóa dịch vụ được khấu trừ 100%?

- a) Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng để sản xuất hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT
- b) Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng để sản xuất hàng hóa dịch vụ chịu thuế GTGT
- c) Cả a và b đều đúng
- d) Cả a và b đều sai

Câu 251. Công ty hàng không trong tháng 3/2004 bán được 2.500 vé từ Hà Nội đi Thành phố Hồ Chí Minh, giá mỗi vé là 1.100.000đ, thuế GTGT 10%. Xác định thuế GTGT của số vé đó

- a) 250.000.000đ

- b) 275.000.000đ
- c) 2.500.000.000đ
- d) Không có đáp án nào đúng

Câu 252. Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu là:

- a) Giá đã có thuế giá trị gia tăng
- b) Giá đã có thuế nhập khẩu
- c) Giá tính thuế nhập khẩu
- d) Cả a và b

Câu 253. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở sản xuất kinh doanh trong nước và các tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh ở Việt Nam không theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các doanh nghiệp hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam là:

- a) 15%
- b) 25%
- c) 18%
- d) 28%

Câu 254. Mức thuế môn bài cao nhất đối với các tổ chức kinh tế hiện nay là:

- a) 5 triệu
- b) 4 triệu
- c) 3 triệu
- d) 2 triệu

Câu 255. Tác dụng nào sau đây của thuế nói chung nhưng không phải là tác dụng của thuế tiêu thụ đặc biệt:

- a) Tăng thu ngân sách nhà nước
- b) Hạn chế tiêu dùng
- c) Điều hòa thu nhập
- d) Hạn chế nhập khẩu

Câu 256. Đơn vị A ủy thác cho đơn vị B nhập khẩu bia, C là đơn vị mua bia từ A để bán lại. Đơn vị nào phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt:

- a) Đơn vị A
- b) Đơn vị B
- c) Đơn vị C
- d) Cả a, b, c

Câu 257. Giá tính thuế của thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa sản xuất trong nước là:

- a) Giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt
- b) Giá bán chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt
- c) Giá bán đã có thuế giá trị gia tăng
- d) Giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng

Câu 258. Giá tính thuế của thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu là:

- a) Giá FOB
- b) Giá FOB + thuế nhập khẩu
- c) Giá CIF
- d) Giá CIF + thuế nhập khẩu

Câu 259. Đại lý bán bia phải nộp loại thuế gián thu nào sau đây:

- a) Thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng
- b) Chỉ nộp thuế giá trị gia tăng

- c) Chi nộp thuế tiêu thụ đặc biệt
- d) Không có thuế gián thu

Câu 260. Cơ sở sản xuất C mua nguyên liệu là mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và sau đó sử dụng một phần nguyên liệu để sản xuất hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Cơ sở sản xuất đó phải nộp:

- a) Thuế tiêu thụ đặc biệt của toàn bộ nguyên liệu đã mua
- b) Thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên liệu tạo thành số hàng hóa còn để trong kho và hàng hóa đã đem ra bán
- c) Thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên liệu tạo thành số hàng hóa đã đem bán trong kỳ
- d) Không được khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên liệu

Câu 261. Cho biết giá bán của một chai bia là 6.000 đồng (không bán vỏ chai), thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt là 75%. Tiền thuế tiêu thụ đặc biệt của chai bia là:

- a) 4.500đ
- b) 6.000đ
- c) 3.428,5đ
- d) 2.571,4đ

Câu 262. Thuế giá trị gia tăng là loại thuế:

- a) Tính trên doanh thu của hàng hóa, dịch vụ
- b) Tính trên phần giá trị tăng thêm của các hoạt động sản xuất, kinh doanh
- c) Tính trên phần giá trị gia tăng của các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ
- d) Tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ

Câu 263. Hàng hóa nhập khẩu thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thì:

- a) Không thuộc diện chịu thuế nhập khẩu
- b) Không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng
- c) Không thuộc diện chịu thuế thu nhập doanh nghiệp
- d) Cả a, b, c đều sai

Câu 264. Giá tính thuế của thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế đối với hàng hóa, dịch vụ là:

- a) Giá bán đã có thuế giá trị gia tăng
- b) Giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng
- c) Giá thanh toán ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng
- d) Câu a và c đúng

Câu 265. Giá thanh toán ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng do đơn vị nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế sử dụng là:

- a) Giá chưa có thuế giá trị gia tăng
- b) Giá đã có thuế giá trị gia tăng
- c) Giá căn cứ tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế
- d) Cả 3 đều sai

Câu 266. Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao ở nước ta ban hành vào năm:

- a) 1990
- b) 1991
- c) 1992
- d) 1994

Câu 267. Thuế thu nhập cá nhân là loại thuế có độ nhạy cảm cao vì:

- a) Liên quan trực tiếp tới lợi ích của người trả thuế

- b) Liên quan tới cách tính thuế
- c) Liên quan tới dân số
- d) Liên quan tới chế độ xã hội

Câu 268. Thuế thu nhập cá nhân không bóp méo giá cả của hàng hóa, dịch vụ vì:

- a) Nó làm giảm thu nhập cá nhân
- b) Nó ảnh hưởng tới cầu có khả năng thanh toán của cá nhân
- c) Nó không cấu thành trong giá cả của hàng hóa, dịch vụ
- d) Nó cấu thành trong giá cả của hàng hóa, dịch vụ

Câu 269. Thuế thu nhập cá nhân thuộc loại thuế:

- a) Gián thu
- b) Tiêu dùng
- c) Tài sản
- d) Trực thu

Câu 270. Cơ sở kinh doanh được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp loại chi phí nào dưới đây:

- a) Chi xử lý nước thải
- b) Tiền lương của sáng lập viên thành lập cơ sở kinh doanh nhưng không tham gia và điều hành hoạt động kinh doanh của cơ sở
- c) Chi ủng hộ đồng bào lũ lụt
- d) Chi trả tiền phạt vì vi phạm hợp đồng

Câu 271. Cơ sở kinh doanh không được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp loại chi phí nào dưới đây:

- a) Khấu hao tài sản cố định đã hết thời hạn khấu hao
- b) Chi phí vật liệu dùng cho sản xuất kinh doanh
- c) Chi trả lãi vay vốn sản xuất kinh doanh
- d) Chi đào tạo tay nghề cho công nhân

Câu 272. Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định căn cứ vào:

- a) Lợi nhuận của doanh nghiệp của doanh nghiệp và thuế suất
- b) Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất
- c) Doanh thu trong kỳ tính thuế của doanh nghiệp và thuế suất
- d) Thu nhập ròng của doanh nghiệp và thuế suất

Câu 273. Doanh thu để tính thuế thu nhập chịu thuế đối với cơ sở nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế là:

- a) Là doanh thu bao gồm cả thuế giá trị gia tăng
- b) Là doanh thu không bao gồm thuế giá trị gia tăng
- c) Là doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp
- d) Là doanh thu từ mọi hoạt động của doanh nghiệp

Câu 274. Đối tượng thuộc diện chịu thuế thu nhập doanh nghiệp là:

- a) Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp có thu nhập từ sản phẩm trồng trọt
- b) Cá nhân nông dân sản xuất nông nghiệp có thu nhập từ nuôi trồng thủy hải sản
- c) Cá nhân cho thuê nhà, đất, phương tiện vận tải có thu nhập chịu thuế
- d) Hộ gia đình sản xuất nông nghiệp có thu nhập từ sản phẩm trồng trọt

Câu 275. Đối tượng không thuộc diện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Cá nhân hành nghề độc lập: bác sĩ, luật sư, kế toán, kiểm toán và những người hành nghề độc lập khác

- b) Hộ kinh doanh cá thể
- c) Hộ gia đình sản xuất nông nghiệp có thu nhập từ sản phẩm chăn nuôi
- d) Cá nhân và các nhóm kinh doanh

Câu 276. Đối tượng nào sau đây nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp:

- a) Các công ty tư nhân có quy mô nhỏ
- b) Các công ty kinh doanh vàng
- c) Các hộ kinh doanh thực hiện đúng chế độ kế toán
- d) a, b, c đều sai

Câu 277. Đối tượng nào sau đây nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ:

- a) Hộ bán tạp hóa
- b) Công ty kinh doanh đá quý
- c) Công ty kinh doanh nông sản
- d) a, b, c đều sai

Câu 278. Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nhưng không đăng ký kinh doanh mà bị phát hiện thì:

- a) Tổ chức, cá nhân khai thác sẽ phải nộp thuế tài nguyên tương ứng với sản lượng đã khai thác được
- b) Cơ quan thuế ấn định số thuế tài nguyên phải nộp của tổ chức, cá nhân đó
- c) Tổ chức, cá nhân trong trường hợp này không thuộc đối tượng chịu thuế tài nguyên
- d) Cả a, b, c đều sai

Câu 279. Mức thuế suất của thuế tài nguyên là:

- a) Từ 1% - 40%
- b) Từ 10% - 40%
- c) Từ 10% - 50%
- d) Từ 1% - 20%

Câu 280. Mức thuế suất của thuế thu nhập doanh nghiệp là:

- a) Từ 10% - 50%
- b) Từ 25% - 50%
- c) Từ 32% - 50%
- d) Từ 28% - 50%

Câu 281. Thuế nhà đất là loại thuế:

- a) Thu vào việc sử dụng đất trong xây dựng công trình nhà ở và các công trình không sản xuất kinh doanh
- b) Thu vào việc sử dụng đất trong xây dựng các công trình nhà cửa, cơ sở hạ tầng sản xuất kinh doanh
- c) Thu vào việc sử dụng đất của tất cả các đối tượng có sở hữu đất
- d) a và b

Câu 282. Đối tượng nào sau đây thuộc diện không nộp thuế nhà đất:

- a) Đất được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng vì mục đích công cộng
- b) Đất của các di tích lịch sử, đình, chùa
- c) a và b đều đúng
- d) a và b đều sai

Câu 283. Ông A là cá nhân kinh doanh có doanh thu 140 triệu đồng/tháng, chi phí tạo ra thu nhập tương ứng là 50 triệu đồng/tháng. Ông A phải nuôi 2 người phụ thuộc. Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của ông A là:

- a) 90 triệu đồng/tháng
- b) 86,8 triệu đồng/tháng

- c) 82,8 triệu đồng/tháng
- d) 87 triệu đồng/tháng

Câu 284. Chị Nga là cá nhân kinh doanh có kết quả hoạt động kinh doanh như sau: Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh 500 triệu đồng; Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế mua cho chị Nga là 12 triệu đồng; Chị Nga đóng góp cho từ thiện 50 triệu đồng. Ngoài ra chị còn phải nuôi dưỡng bố mẹ già và 4 đứa con còn nhỏ. Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của chị Nga là:

- a) 274,8 triệu đồng/năm
- b) 434 triệu đồng/năm
- c) 242,4 triệu đồng/năm
- d) 424,4 triệu đồng/năm

Câu 285. Biểu thuế áp dụng cho thuế thu nhập cá nhân là:

- a) Biểu thuế lũy tiến từng phần
- b) Biểu thuế lũy tiến toàn phần
- c) Cả a và b đều đúng
- d) Cả a và b đều sai

Câu 286. Giảm trừ gia cảnh trong thuế thu nhập cá nhân là:

- a) Khoản tiền được trừ trực tiếp vào khoản thuế thu nhập cá nhân phải nộp
- b) Khoản tiền được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập cá nhân phải nộp
- c) Khoản tiền được trừ ra khi tính thuế thu nhập cá nhân đối với những đối tượng thuộc diện giảm trừ
- d) Cả a và c

Câu 287. Lệ phí trước bạ là:

- a) Khoản lệ phí phải nộp cho cơ quan nhà nước để xác nhận việc sang tên quyền sở hữu tài sản
- b) Khoản phí phải nộp cho cơ quan nhà nước để xác nhận quyền sở hữu tài sản
- c) Khoản lệ phí phải nộp cho cơ quan nhà nước để có quyền sử dụng tài sản
- d) Khoản lệ phí phải nộp cho cơ quan nhà nước để có quyền sử dụng hoặc sở hữu tài sản

Câu 288. Lệ phí trước bạ đối với xe máy nộp lần thứ nhất là :

- a) 1%
- b) 2%
- c) 1,5%
- d) 2,5%

Câu 289. Lệ phí trước bạ đối với xe máy nộp lần thứ hai là :

- a) 0,5%
- b) 1%
- c) 2%
- d) 2.5%

Câu 290. Thời gian quy định phải kê khai lệ phí trước bạ chậm nhất là :

- a) 30 ngày kể từ ngày làm giấy tờ chuyển giao tài sản hợp pháp giữa hai bên
- b) 20 ngày kể từ ngày làm giấy tờ chuyển giao tài sản hợp pháp giữa hai bên
- c) 15 ngày kể từ ngày làm giấy tờ chuyển giao tài sản hợp pháp giữa hai bên
- d) 10 ngày kể từ ngày làm giấy tờ chuyển giao tài sản hợp pháp giữa hai bên

Câu 291. Cơ quan Thuế phải ra thông báo nộp lệ phí trước bạ cho tổ chức, cá nhân thực hiện chậm nhất là :

- a) 1 tuần kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ
- b) 5 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ
- c) 2 tuần kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ

d) 1 tháng kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ

Câu 292. Khoản thu nhập sau đây được miễn thuế thu nhập cá nhân :

- a) Thu nhập từ trúng thưởng xổ số
- b) Thu nhập từ việc chuyển giao bản quyền
- c) Thu nhập là học bổng được cấp từ ngân sách Nhà nước
- d) Thu nhập từ nhượng quyền thương mại

Câu 293. Máy móc thiết bị nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học thuộc diện :

- a) Không chịu thuế giá trị gia tăng
- b) Chịu thuế giá trị gia tăng
- c) Không chịu thuế giá trị gia tăng nếu thuộc loại trong nước sản xuất được
- d) Không chịu thuế giá trị gia tăng nếu thuộc loại trong nước chưa sản xuất được

Câu 294. Tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp được áp dụng đối với trường hợp nào dưới đây :

- a) Hoạt động mua bán vàng, bạc, đá quý
- b) Cơ sở kinh doanh nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nhưng có thu nhập phát sinh tại Việt Nam chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ
- c) Cơ sở kinh doanh nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nhưng có thu nhập phát sinh tại Việt Nam nhưng đã thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ
- d) a và b
- e) a và c

Câu 295. Doanh nghiệp A sản xuất kinh doanh cả hàng hóa chịu thuế và hàng không chịu thuế và nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Trường hợp xử lý nào dưới đây là đúng :

- a) Được khấu trừ toàn bộ thuế giá trị gia tăng đầu vào
- b) Chỉ được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng
- c) Chỉ được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng
- d) Không có trường hợp nào đúng

Câu 296. Một doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu trong kỳ tính thuế có tài liệu sau :

- Nhập khẩu 2.000 chai rượu, giá bán tại cửa khẩu xuất là 500.000đ/chai, chi phí vận tải, bảo hiểm tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên là 100.000đ/chai

- Trong quá trình vận chuyển (hàng còn nằm trong khu vực hải quan quản lý) vỡ 200 chai

- Thuế suất thuế nhập khẩu rượu 150%, thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt của rượu 30%.

Thuế tiêu thụ đặc biệt doanh nghiệp phải nộp là :

- a) 900.000.000đ
- b) 750.000.000đ
- c) 810.000.000đ
- d) 675.000.000đ